

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÀNG KHÔNG VIETJET**



Số: 01-21/VJC-HĐQT-TT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng không VietJet)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 50/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh nghiệp 2020**”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng khoán 2019**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 (“**Nghị định 155**”); và
- Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty cổ phần hàng không VietJet (“**Điều lệ**”).

Ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định 155 có hiệu lực với các quy định mới trong lĩnh vực doanh nghiệp, chứng khoán, quản trị và điều hành công ty đại chúng. Để đảm bảo sự tuân thủ các quy định mới của Pháp luật, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hàng không VietJet kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Điều lệ hiện hành. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể đã được công bố trên website và trong tài liệu văn kiện Hội nghị, đồng thời đính kèm Tờ trình này.

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN THANH HÀ

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

Những nội dung Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty
(Đính kèm Tờ trình số 01-21/VJC-HĐQT-TT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị).

STT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do/ Diễn giải
1.	<p>1.2 Giải thích</p> <p>(a) Tất cả các Phụ lục của Điều lệ này là một phần của Điều lệ và sẽ có cùng hiệu lực thi hành như thể được quy định tại phần nội dung của Điều lệ.</p> <p>(b) Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi, khi được viện dẫn đến trong Điều lệ này:</p> <p>Các Điều hoặc Phụ lục được hiểu là các điều khoản hoặc phụ lục của Điều lệ này; và</p> <p>Các văn bản pháp luật hoặc các điều khoản của các văn bản pháp luật sẽ hiểu là viện dẫn đến các văn bản pháp luật hoặc các điều khoản đó cho dù các văn bản hoặc điều khoản này có thể được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm (dù là trước hoặc sau ngày Điều lệ này có hiệu lực) và được dẫn chiếu đến các quy định hoặc các điều khoản hướng dẫn thực hiện khác của các văn bản kể trên.</p> <p>(c) Các tiêu đề chỉ được dùng để trình bày nhằm tạo thuận lợi cho việc dẫn chiếu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>1.2 Giải thích</p> <p>(a) Tất cả các Phụ lục của Điều lệ này là một phần của Điều lệ và sẽ có cùng hiệu lực thi hành như thể được quy định tại phần nội dung của Điều lệ.</p> <p>(b) Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi, khi được viện dẫn đến trong Điều lệ này:</p> <p>Các Điều hoặc Phụ lục được hiểu là các điều khoản hoặc phụ lục của Điều lệ này; và</p> <p>Các văn bản pháp luật hoặc các điều khoản của các văn bản pháp luật sẽ hiểu là viện dẫn đến các văn bản pháp luật hoặc các điều khoản đó cho dù các văn bản hoặc điều khoản này có thể được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm (dù là trước hoặc sau ngày Điều lệ này có hiệu lực) và được dẫn chiếu đến các quy định hoặc các điều khoản hướng dẫn thực hiện khác của các văn bản kể trên.</p> <p>(e)(b) Các tiêu đề chỉ được dùng để trình bày nhằm tạo thuận lợi cho việc dẫn chiếu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.</p>	Bỏ vì không phù hợp.

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

<p>2.</p>	<p>Điều 2. Tên, Hình Thức, Trụ Sở, Chi Nhánh, Văn Phòng Đại Diện và Thời Hạn Hoạt Động Của Công Ty</p> <p>2.5 Hội đồng Quản trị của Công ty có quyền chuyển trụ sở chính hoặc mở/đóng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và/hoặc các địa điểm kinh doanh, giao dịch khác của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam hoặc nơi khác theo quy định của Pháp luật.</p> <p>(a) Thông tin về văn phòng đại diện:</p> <p>VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET</p> <p>Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà C.T Plaza, Số 60A Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>(b) Thông tin về địa điểm kinh doanh:</p> <p>PHÒNG VÉ HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET</p> <p>Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà HDBank, Số 32 phố Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>(c) Thông tin về chi nhánh:</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET - CHI NHÁNH TẠI MIỀN TRUNG</p>	<p>Điều 2. Tên, Hình Thức, Trụ Sở, Chi Nhánh, Văn Phòng Đại Diện và Thời Hạn Hoạt Động Của Công Ty</p> <p>2.5 Hội đồng Quản trị của Công ty có quyền <u>chuyển-thay</u> đổi địa chỉ trụ sở <u>chính đăng ký, mở</u> hoặc mở/đóng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và hoặc các địa điểm kinh doanh, giao dịch khác của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam hoặc nơi khác ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật.</p> <p>(a) Thông tin về văn phòng đại diện:</p> <p>VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET</p> <p>Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà C.T Plaza, Số 60A Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>(b) Thông tin về địa điểm kinh doanh:</p> <p>PHÒNG VÉ HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET</p> <p>Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà HDBank, Số 32 phố Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>(c) Thông tin về chi nhánh:</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET - CHI NHÁNH TẠI MIỀN TRUNG</p> <p>Địa chỉ: 157-159 Hàm Nghi, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.</p>	<p>Chuyển toàn bộ thông tin đăng ký Chi nhánh, Văn Phòng Đại diện sang Phụ lục II.</p>
-----------	---	---	--

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	Địa chỉ: 157-159 Hàm Nghi, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	2.6 <u>Thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, giao dịch của Công ty được thể hiện chi tiết tại Phụ lục II Điều lệ này và được sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ.</u>	
3.	2.6 Thời hạn hoạt động của Công ty là không giới hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 60 hoặc thay đổi thời hạn hoạt động theo quy định tại Điều 62 của Điều lệ này và quy định khác của pháp luật.	2.7 Thời hạn hoạt động của Công ty là không giới hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 60 <u>Điều 58</u> hoặc thay đổi thời hạn hoạt động theo quy định tại Điều 62 <u>Điều 60</u> của Điều lệ này và quy định khác của pháp luật.	Điều chỉnh dẫn chiếu
4.	Điều 3. Tư Cách Pháp Nhân Của Công Ty 3.1 Công ty được thành lập là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và có trách nhiệm hữu hạn, tồn tại, hoạt động theo Pháp luật và theo Điều lệ này. 3.2 Trách nhiệm hữu hạn: (a) Công ty sẽ chỉ có trách nhiệm trong phạm vi Vốn Điều lệ của Công ty. Trừ khi được quy định khác căn cứ theo văn bản chấp thuận được các Cổ đông ký, các chủ nợ của Công ty chỉ có quyền đòi nợ trên tài sản của Công ty và không có quyền đòi nợ đối với bất kỳ Cổ đông nào. Không một Người thứ ba nào, kể cả Cơ quan Nhà nước, có thể yêu cầu các Cổ đông phải thanh toán các khoản nợ của Công ty. (b) Trong trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ cho Công ty số Cổ phần mà người này đã quyết định mua, các Cổ đông khác sẽ không phải cấp thêm	Điều 3. Tư cách pháp nhân của Công ty Công ty được thành lập cổ phần <u>Hàng không VietJet</u> là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và có trách nhiệm hữu hạn. <u>Công ty được thành lập</u> , tồn tại, <u>và</u> hoạt động theo Pháp luật và theo Điều lệ này. 3.2. Trách nhiệm hữu hạn: (a) Công ty sẽ chỉ có trách nhiệm trong phạm vi Vốn Điều lệ của Công ty. Trừ khi được quy định khác căn cứ theo văn bản chấp thuận được các Cổ đông ký, các chủ nợ của Công ty chỉ có quyền đòi nợ trên tài sản của Công ty và không có quyền đòi nợ đối với bất kỳ Cổ đông nào. Không một Người thứ ba nào, kể cả Cơ quan Nhà nước, có thể yêu cầu các Cổ đông phải thanh toán các khoản nợ của Công ty. (b) Trong trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ cho Công ty số Cổ phần mà người này đã quyết định mua, các Cổ đông khác sẽ không phải cấp thêm vốn	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>vốn cho Công ty hoặc phải thay mặt Công ty cấp thêm vốn dưới hình thức thanh toán mua Cổ phần, cho vay, tạm ứng, bảo lãnh hoặc các hình thức khác.</p> <p>(c) Công ty, với tư cách là một pháp nhân độc lập, sẽ không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với các khoản nợ hay bất kỳ trách nhiệm nào khác của bất kỳ Cổ đông nào.</p>	<p>dưới hình thức thanh toán mua Cổ phần, cho vay, tạm ứng, bảo lãnh hoặc các hình thức khác.</p> <p>(c)(a) Công ty, với tư cách là một pháp nhân độc lập, sẽ không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với các khoản nợ hay bất kỳ trách nhiệm nào khác của bất kỳ Cổ đông nào.</p>	
5.	<p>Điều 4. Người Đại Diện Theo Pháp Luật Của Công Ty</p> <p>Công ty có 03 (ba) Người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và một Phó Tổng Giám đốc là những Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>Tuỳ theo yêu cầu từ thực tiễn hoạt động trong từng thời kỳ, Công ty có thể có thêm số lượng Người đại diện theo pháp luật. Số lượng cụ thể Người đại diện theo pháp luật sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm và giao quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm cụ thể cho từng Người đại diện theo pháp luật. Trường hợp Công ty có hơn một Người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đương nhiên là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>Quyền, nghĩa vụ cụ thể của Người đại diện theo pháp luật được quy định theo Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>Công ty có 03 (ba) Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và một Phó Tổng Giám đốc. là những Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>Tuỳ theo yêu cầu từ thực tiễn hoạt động trong từng thời kỳ, Công ty có thể có thêm số lượng Người đại diện theo pháp luật. Số lượng cụ thể Người đại diện theo pháp luật sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm và giao quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm cụ thể cho từng Người đại diện theo pháp luật. Trường hợp Công ty có hơn một Người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đương nhiên là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>Quyền, nghĩa vụ cụ thể của Người đại diện theo pháp luật được quy định theo Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.</p> <p><u>Tuỳ theo yêu cầu từ thực tiễn hoạt động trong từng thời kỳ, Công ty có thể có thêm số lượng Người đại diện theo pháp luật. Số lượng cụ thể Người đại diện theo pháp luật sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.</u></p>	<p>Sửa đổi nhằm trực tiếp trao cho HĐQT quyền quy định các quyền và nghĩa vụ của từng Người đại diện theo pháp luật nhằm tạo sự linh hoạt cho Công ty.</p>

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<u>Quyền và nghĩa vụ cụ thể của từng Người đại diện theo pháp luật do Hội đồng quản trị quy định.</u>	
6.	Điều 5 Mục tiêu hoạt động của Công ty Công ty được thành lập với mục tiêu phát triển thành một hãng hàng không tư nhân tiên tiến, hiện đại, với đội ngũ bay chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm, đáp ứng nhu cầu của các khách hàng trong nước và quốc tế; tiến hành các hoạt động kinh doanh hỗ trợ khác theo quy định của Pháp luật nhằm thu lợi nhuận cho các Cổ đông, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động trong Công ty, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội và sự tiến bộ của cộng đồng.	Điều 5 Mục tiêu hoạt động của Công ty Công ty được thành lập với mục tiêu phát triển thành một hãng hàng không tư nhân tiên tiến <u>với đội tàu bay mới</u> , hiện đại và với đội ngũ bay chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, đáp ứng nhu cầu của các khách hàng trong nước và quốc tế; tiến hành các hoạt động kinh doanh <u>và cung cấp các dịch vụ</u> hỗ trợ khác theo quy định của Pháp luật nhằm thu lợi nhuận cho các Cổ đông ; tạo việc làm và thu nhập cho người lao động trong Công ty; đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội và sự tiến bộ của cộng đồng.	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty.
7.	Điều 6. Phạm Vi Kinh Doanh	Điều 6. Phạm Vi Kinh Doanh 6.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục III của Điều lệ này	Chuyển toàn bộ danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty sang Phụ lục III
8.	6.1 Ngành nghề kinh doanh (h) Điều hành tua du lịch;	<u>Phụ lục III</u> <u>9. Điều hành tua du lịch (không bao gồm kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài);</u>	Bổ sung thông tin ngành nghề kinh doanh phù hợp với Pháp luật
9.	6.1 Ngành nghề kinh doanh (i) Đại lý du lịch;	<u>Phụ lục III</u> <u>10 Đại lý du lịch (không bao gồm kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài);</u>	Bổ sung thông tin ngành nghề kinh doanh phù hợp với Pháp luật

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

10.	6.1 Ngành nghề kinh doanh (l) Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: <i>Huấn luyện thực hành cho người lái, nhân viên kỹ thuật và các nhân viên chuyên ngành khác;</i>	<u>Phụ lục III</u> <u>13. Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không và các nhân viên chuyên ngành khác;</u>	Điều chỉnh tên gọi ngành nghề kinh doanh phù hợp với Pháp luật
11.		<u>Phụ lục III</u> <u>26. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu đông: Bán lẻ rượu, bia, nước uống có ga hoặc không ga, đồ uống có cồn hoặc không có cồn, nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế);</u>	Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
12.		<u>Phụ lục III</u> <u>27. Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu đông (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế);</u>	Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
13.		<u>Phụ lục III</u> <u>28. Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu đông</u>	Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
14.		<u>Phụ lục III</u> <u>29. Hoạt động viễn thông không dây;</u>	Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
15.		<u>Phụ lục III</u> <u>30. Hoạt động viễn thông vệ tinh.</u>	Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

16.		<p>Phụ lục III</p> <p>31. Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động viễn thông khác, hoạt động đại lý Internet, hoạt động của các điểm truy cập Internet.</p>	Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
17.	6.2 Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ Pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các Cổ đông.	6.2. Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ Pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các Cổ đông. Các thông tin điều chỉnh về ngành nghề kinh doanh (nếu phát sinh) sẽ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty phù hợp Pháp luật và sẽ được cập nhật vào Điều lệ trong lần sửa đổi, bổ sung gần nhất.	Bổ sung để việc cập nhật, bổ sung ngành nghề kinh doanh trong quá trình hoạt động được linh hoạt, thuận tiện với thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
18.	<p>Điều 7. Quyền Hạn và Nghĩa Vụ của Công Ty</p> <p>7.1 Quyền hạn của Công ty</p> <p>Công ty có quyền được hưởng các ưu đãi tối đa mà Pháp luật hoặc các Cơ quan Nhà nước cho phép liên quan đến mọi lĩnh vực của hoạt động sản xuất và kinh doanh như thuế, phí và lệ phí, tiền và/hoặc tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, việc xây dựng và sử dụng cơ sở hạ tầng v.v... Công ty được tiến hành những hoạt động mang lại lợi ích cho Công ty hoặc cho việc kinh doanh mà Công ty được phép thực hiện hoặc Pháp luật không cấm, bao gồm những hoạt động sau:</p>	<p>Điều 7. Quyền Hạn và Nghĩa Vụ của Công Ty</p> <p>7.1 Quyền hạn của Công ty</p> <p>Công ty có quyền được hưởng các ưu đãi tối đa mà Pháp luật hoặc các Cơ quan Nhà nước cho phép liên quan đến mọi lĩnh vực của hoạt động sản xuất và kinh doanh như thuế, phí và lệ phí, tiền và/hoặc tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, việc xây dựng và sử dụng cơ sở hạ tầng v.v... Công ty được tiến hành những hoạt động mang lại lợi ích cho Công ty hoặc cho việc kinh doanh mà Công ty được phép thực hiện hoặc Pháp luật không cấm, bao gồm nhưng không giới hạn những hoạt động sau:</p>	Bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty.

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

19.	7.1 Quyền hạn của Công ty (r) Đăng ký và thi hành các quyền sở hữu trí tuệ và/hoặc nhận chuyển giao hay chuyển nhượng các quyền sở hữu trí tuệ, các công nghệ mới, bí quyết sản xuất từ các bên chuyển nhượng hay chuyển giao tại nước ngoài hoặc Việt Nam tuân thủ các yêu cầu của Pháp luật;	7.1 Quyền hạn của Công ty (r) Đăng ký, thi hành <u>và được bảo hộ</u> các quyền sở hữu trí tuệ và/hoặc nhận chuyển giao hay chuyển nhượng các quyền sở hữu trí tuệ, các công nghệ mới, bí quyết sản xuất từ các bên chuyển nhượng hay chuyển giao tại nước ngoài hoặc Việt Nam tuân thủ các yêu cầu của Pháp luật;	Điều chỉnh phù hợp theo Điều 7.7 Luật Doanh Nghiệp 2020
20.	7.1 Quyền hạn của Công ty	7.1 Quyền hạn của Công ty <u>(aa) Các quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật và của Công ty theo từng thời kỳ.</u>	Bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty
21.	7.2 Nghĩa vụ của Công ty (l) Công bố công khai cho các Cổ đông báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty; và	7.2 Nghĩa vụ của Công ty (l) Công bố công khai cho các Cổ đông báo cáo tài chính hàng năm <u>theo quy định của Pháp luật</u> ; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty; và	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty.
22.		7.2 Nghĩa vụ của Công ty <u>(n) Các nghĩa vụ khác phù hợp với quy định Pháp luật.</u>	Bổ sung để bao hàm các trường hợp chưa được liệt kê
23.	Điều 8. Vốn điều lệ, Cổ phần 8.3. Sử dụng Vốn Điều lệ Vốn Điều lệ và/hoặc phần vốn thặng dư do phát hành Cổ phần ra bên ngoài sẽ được sử dụng vì mục đích kinh doanh và các mục đích khác của Công ty nếu được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt; hoặc trong một số trường hợp thích hợp, được Hội đồng Quản trị của	Điều 8. Vốn điều lệ, Cổ phần 8.3. Sử dụng Vốn điều lệ Vốn Điều lệ và/hoặc phần vốn thặng dư do phát hành Cổ phần ra bên ngoài sẽ được sử dụng vì mục đích kinh doanh và các mục đích khác của Công ty nếu được Đại hội đồng Cổ đông <u>phê duyệt; hoặc trong một số trường hợp thích hợp, được</u> Hội	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty.

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	Công ty phê duyệt theo Điều lệ này hoặc quy định của Pháp luật.	đồng quản trị phê duyệt theo Điều lệ này hoặc theo quy định của Pháp luật.	
24.		Điều 8. Vốn điều lệ, Cổ phần 8.4 Tăng Vốn điều lệ <u>(e) Các hình thức tăng Vốn Điều lệ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định Pháp luật.</u>	Bổ sung để bao hàm các trường hợp chưa được liệt kê
25.		Điều 8. Vốn điều lệ, Cổ phần 8.6 Cổ phần <u>(d) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành Cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u>	Bổ sung theo quy định tại Điều 114.5 Luật Doanh nghiệp 2020
26.	8.7 Quyền Biểu quyết của Cổ phần (a) Mỗi Cổ phần Phổ thông cho phép Cổ đông nắm giữ có một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. (b) Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết sẽ có số phiếu biểu quyết theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông khi phát hành Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết đó.	8.7 Quyền Biểu quyết của Cổ phần (a) Mỗi Cổ phần phổ thông cho phép Cổ đông <u>nắm giữ sở hữu</u> có một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. (a) Cổ đông <u>nắm giữ sở hữu</u> Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết sẽ có số phiếu biểu quyết theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông khi phát hành Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết đó.	Điều chỉnh câu chữ để phù hợp và thống nhất trong Điều lệ
27.	8.7 Quyền Biểu quyết của Cổ phần (c) Cổ đông sở hữu Cổ phần Ưu đãi Cổ tức, Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại và các loại Cổ phần Ưu đãi khác mà không phải là Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết sẽ không được phép biểu quyết, dự họp Đại hội đồng Cổ đông,	8.7 Quyền Biểu quyết của Cổ phần (c) Cổ đông sở hữu Cổ phần Ưu đãi Cổ tức, Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại và các loại Cổ phần Ưu đãi khác mà không phải là Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết sẽ không được phép biểu quyết, dự họp Đại hội đồng Cổ đông, <u>đề cử người vào Hội đồng quản</u>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, trừ trường hợp <i>Pháp luật</i> có quy định khác hoặc được Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác.	trừ và Ban Kiểm soát , trừ trường hợp <u>quy định tại điểm (e) Điều 23.2 Điều lệ này, hoặc</u> Pháp luật có quy định khác hoặc được Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác.	
28.	8.8 Thanh toán mua Cổ phần do Công ty phát hành thêm (b) Đối với tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá trước khi góp vốn vào Công ty.	8.8 Thanh toán mua Cổ phần do Công ty phát hành thêm (b) Đối với tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc tổ chức định giá <u>chuyên nghiệp định giá trước khi góp vốn vào Công ty. Hội đồng quản trị và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và Hội đồng quản trị chấp thuận.</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 36.1 Luật Doanh nghiệp 2020
29.	8.9 Sổ đăng ký cổ đông Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ <u><i>tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Pháp luật.</i></u> (a) Công ty sẽ lập Sổ Đăng ký Cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu Cổ phần của mỗi Cổ đông và các thông tin về Vốn Điều lệ và tỷ lệ góp Vốn Điều lệ của từng Cổ đông. Sổ Đăng ký Cổ đông phải có các nội dung sau: i. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty; ii. Tổng số Cổ phần được quyền chào bán; loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	8.9 Sổ đăng ký cổ đông iv. Thông tin về Cổ đông, số lượng Cổ phần <u><i>nắm giữ sở hữu</i></u> của mỗi Cổ đông và tỷ lệ góp Vốn điều lệ của từng Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần; và (a) Công ty sẽ lập Sổ Đăng ký Cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu Cổ phần của mỗi Cổ đông và các thông tin về Vốn Điều lệ và tỷ lệ góp Vốn Điều lệ của từng Cổ đông. Sổ Đăng ký Cổ đông phải có các nội dung sau: i. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty; ii. Tổng số Cổ phần được quyền chào bán; loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>iii. Số lượng và giá trị của Cổ phần đã phát hành;</p> <p>iv. Thông tin về Cổ đông, số lượng Cổ phần nắm giữ của mỗi Cổ đông và tỷ lệ góp Vốn Điều lệ của từng Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần; và</p> <p>v. Các chi tiết khác do Hội đồng Quản trị quy định vào từng thời điểm.</p>	<p>iii. Số lượng và giá trị của Cổ phần đã <u>phát hành bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp</u>;</p> <p>iv. Thông tin về Cổ đông, số lượng Cổ phần <u>nắm giữ sở hữu</u> của mỗi Cổ đông và tỷ lệ góp Vốn Điều lệ của từng Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần; và</p> <p>v. Các chi tiết khác do Hội đồng Quản trị quy định vào từng thời điểm.</p> <p>(b) Sổ Đăng ký Cổ đông sẽ được <u>Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lưu giữ và cập nhật, lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tổ chức khác có chức năng lưu giữ theo quy định của Pháp luật</u>.</p> <p>(c) Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	
30.	<p>Điều 9. Chứng Chỉ Cổ Phiếu</p> <p>9.1 Trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định phát hành Cổ phần ghi sổ thay vì phát hành Cổ phiếu, sau khi Cổ đông đã được ghi tên vào trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cấp cho Cổ đông này Cổ phiếu cho các Cổ phần mà người này nắm giữ theo như quy định của Khoản 9.3 Điều này.</p>	<p>Điều 9. Chứng Chỉ Cổ Phiếu</p> <p>9.1 Trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định phát hành Cổ phần ghi sổ thay vì phát hành Cổ phiếu, sau khi Cổ đông đã được ghi tên vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cấp cho Cổ đông này Cổ phiếu cho các Cổ phần mà người này <u>nắm giữ sở hữu</u> theo như quy định của <u>Khoản 9.3 Điều 9.3</u> Điều lệ này.</p>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
31.	<p>9.2 Tùy thuộc vào Khoản 9.4 và 9.6 Điều này, mỗi Cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông này nắm giữ, mà không phải trả bất kỳ một khoản chi phí nào. Cổ đông có quyền yêu cầu</p>	<p>9.2 Tùy thuộc vào <u>Khoản 9.4 Điều 9.4</u> và <u>9.6 Điều 9.6 Điều lệ</u> này, mỗi Cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông này <u>nắm giữ sở hữu</u>, mà không phải trả bất kỳ một khoản chi phí nào. Cổ đông có</p>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	Công ty thay thế các Cổ phiếu đại diện cho các Cổ phần mà họ nắm giữ bằng một Cổ phiếu chung.	quyền yêu cầu Công ty thay thế các Cổ phiếu đại diện cho các Cổ phần mà họ <u>nắm giữ sở hữu</u> bằng một Cổ phiếu chung.	
32.	<p>9.3 Hình thức của Cổ phiếu phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định và tuân thủ với mẫu do Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước hoặc một Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu Pháp luật đòi hỏi sự tuân thủ này). Trong phạm vi được Pháp luật quy định hoặc theo quyết định của Hội đồng Quản trị, Cổ phiếu phải bao gồm các thông tin dưới đây:</p> <p>(a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>(b) Mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp;</p> <p>(c) Loại Cổ phần, mệnh giá Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu;</p> <p>(d) Tên Cổ đông đối với Cổ phiếu ghi danh;</p> <p>(e) Tóm tắt thủ tục chuyển nhượng Cổ phần;</p> <p>(f) Chữ ký mẫu của Chủ tịch và dấu của Công ty;</p> <p>(g) Số đăng ký tại Sở Đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phiếu; và</p>	<p>9.3. Hình thức của Cổ phiếu phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định và <u>tuân thủ với mẫu do Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước hoặc một theo mẫu do</u> Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu Pháp luật đòi hỏi sự tuân thủ này). Trong phạm vi được Pháp luật quy định hoặc theo quyết định của Hội đồng Quản trị, Cổ phiếu <u>phải</u> bao gồm các thông tin <u>chủ yếu</u> dưới đây:</p> <p>(a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>(b) Mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp;</p> <p>(c) Loại Cổ phần, mệnh giá Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu;</p> <p>(d) <u>Tên Thông tin</u> Cổ đông <u>đối với Cổ phiếu ghi danh</u>;</p> <p>(e) <u>Tóm tắt thủ tục chuyển nhượng Cổ phần</u>;</p> <p>(f)<u>(e)</u> Chữ ký mẫu của Chủ tịch <u>và dấu Hội đồng quản trị</u> của Công ty;</p> <p>(g)<u>(f)</u> Số đăng ký tại Sở Đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phiếu; và</p> <p>(h)<u>(g)</u> Đối với Cổ phiếu Ưu đãi thì phải quy định hình thức ưu đãi và điều kiện chuyển nhượng.</p>	Sửa đổi phù hợp Điều 121.1 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	(h) Đối với Cổ phiếu Ưu đãi thì phải quy định hình thức ưu đãi và điều kiện chuyển nhượng.		
33.	<p>9.4 Nếu Cổ phiếu ghi danh bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ phát hành Cổ phiếu ghi danh mới theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan với điều kiện Cổ đông sở hữu phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu Cổ phần. Cổ phiếu ghi danh mới sẽ có hiệu lực bãi bỏ và thay thế Cổ phiếu ghi danh cũ, với điều kiện là Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả các khoản tổn thất, phí tổn và chi phí cho Công ty. Cổ đông có thể được yêu cầu phải thanh toán các khoản chi phí này như là điều kiện để phát hành Cổ phiếu ghi danh mới, dù rằng các chi phí này có thể đã phát sinh thực tế hoặc chưa phát sinh. Đối với Cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 (mười triệu) VND, chủ sở hữu Cổ phiếu phải đăng thông báo về việc Cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp Cổ phiếu mới.</p>	<p>9.4 Nếu Cổ phiếu ghi danh bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ phát hành Cổ phiếu <u>ghi danh</u> mới theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan với điều kiện Cổ đông sở hữu phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu Cổ phần và cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Cổ phiếu <u>ghi danh mới</u>. <u>Cổ phiếu</u> mới sẽ có hiệu lực bãi bỏ và thay thế Cổ phiếu ghi danh cũ, với điều kiện là Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả các khoản tổn thất, phí tổn và chi phí cho Công ty. Cổ đông có thể được yêu cầu phải thanh toán các khoản chi phí này như là điều kiện để phát hành Cổ phiếu <u>ghi danh</u> mới, dù rằng các chi phí này có thể đã phát sinh thực tế hoặc chưa phát sinh. Đối với Cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 (mười triệu) VND, chủ sở hữu Cổ phiếu phải đăng thông báo về việc Cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp Cổ phiếu mới.</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 121.3.b Luật Doanh nghiệp 2020
34.	<p>9.5 Trường hợp Cổ đông chỉ chuyển nhượng một số Cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ Cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số Cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p>	<p>9.5 Trường hợp Cổ đông chỉ chuyển nhượng một số Cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ Cổ phiếu <u>ghi danh</u>, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số Cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty.

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

35.	9.6 Người sở hữu Cổ phiếu không ghi danh phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc bảo quản Cổ phiếu và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những Cổ phiếu không ghi danh này bị mất cắp hoặc bị sử dụng trái với quy định của Pháp luật.	9.6 — Người sở hữu Cổ phiếu không ghi danh phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc bảo quản Cổ phiếu và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những Cổ phiếu không ghi danh này bị mất cắp hoặc bị sử dụng trái với quy định của Pháp luật.	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty.
36.	Điều 10. Chứng Chỉ Chứng Khoán Khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều 10. Chứng Chỉ Chứng Khoán Khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành <u>phải</u> có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, <u>trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</u>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty.
37.	Điều 11. Chuyển Nhượng, Chuyển Giao Cổ Phần 11.1 Chuyển nhượng Cổ phần (b) Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép vào trong Sổ đăng ký cổ đông theo như quy định trong Điểm 8.9(a) của Điều lệ này. Cổ phiếu được niêm yết tại HOSE sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán, Thị trường chứng khoán và quy định của HOSE.	Điều 11. Chuyển Nhượng, Chuyển Giao Cổ Phần 11.1 Chuyển nhượng Cổ phần (b) Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông theo như quy định trong <u>Điểm 8.9(a) của điểm (a) Điều 8.9</u> Điều lệ này. Cổ phiếu được niêm yết tại HOSE sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán, Thị trường chứng khoán và quy định của HOSE.	Sửa đổi dẫn chiếu.
38.	11.2 Chuyển giao Cổ phần (a) Nếu một Cổ đông là cá nhân chết thì những trường hợp sau đây sẽ được Công ty thừa nhận có tất cả các quyền và nghĩa vụ đối với Cổ phần của	11.2 Chuyển nhượng Cổ phần (b) Nếu một Cổ đông là cá nhân chết thì những trường hợp sau đây sẽ được Công ty thừa nhận có tất cả các quyền và	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

<p>Cổ đông đã chết (trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác):</p> <ol style="list-style-type: none">i. Người được thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó;ii. Người được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉ định trong trường hợp Cổ đông chết nhưng không có người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật hay nếu có nhưng người được thừa kế đó từ chối nhận số Cổ phần mà Cổ đông đã chết để lại; vàiii. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, những Người đồng sở hữu hợp nhất còn sống trong trường hợp Cổ phần được đồng sở hữu hợp nhất bởi những người này; <p>Với điều kiện bản thân những người kể trên sẽ có trách nhiệm chứng minh mình có đầy đủ quyền thừa hưởng hợp pháp đối với số Cổ phần từ Cổ đông đã chết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực cũng như các vấn đề khác liên quan đến quyền thừa hưởng của mình và phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trong trường hợp Công ty có thiệt hại về uy tín và vật chất do việc đã công nhận người thừa hưởng đó là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông đã chết để lại. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan đến quyền thừa hưởng số Cổ phần của Cổ đông đã chết, Công ty sẽ không công nhận bất kỳ ai là Cổ đông đối với số Cổ phần đó cho đến khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án hoặc cơ</p>	<p>nghĩa vụ đối với Cổ phần của Cổ đông đã chết (trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác):</p> <ol style="list-style-type: none">i. Người được thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó;ii. Người được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉ định trong trường hợp Cổ đông chết nhưng không có người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật hay nếu có nhưng người được thừa kế đó từ chối nhận số Cổ phần mà Cổ đông đã chết để lại; vàiii. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, những<u>Những</u> Người đồng sở hữu hợp nhất còn sống trong trường hợp Cổ <u>đông chết nhưng không có người thừa kế và Cổ</u> phần được đồng sở hữu hợp nhất bởi những người này; <p>Với điều kiện bản thân những người kể trên sẽ có trách nhiệm chứng minh mình có đầy đủ quyền thừa hưởng hợp pháp đối với số Cổ phần từ Cổ đông đã chết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực cũng như các vấn đề khác liên quan đến quyền thừa hưởng của mình và phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trong trường hợp Công ty có thiệt hại về uy tín và vật chất do việc đã công nhận người thừa hưởng đó là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông đã chết để lại. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan đến quyền thừa hưởng số Cổ phần của Cổ đông đã chết, Công ty sẽ không công nhận bất kỳ ai là Cổ đông đối với số Cổ phần đó cho đến khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án hoặc cơ</p>	
---	---	--

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	quan xét xử có thẩm quyền về quyền thừa hưởng đối với số Cổ phần đó.		
39.	<p>11.2 Chuyển giao Cổ phần</p> <p>(c) Bằng việc gia nhập Công ty với tư cách Cổ đông, mỗi Cổ đông thừa nhận và đồng ý một cách không huỷ ngang và vô điều kiện với các quy định về thừa kế Cổ phần hoặc sở hữu Cổ phần trong trường hợp Cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động hay tái cơ cấu như quy định trong Điều lệ này.</p> <p>(d) Một người có quyền thừa hưởng đối với Cổ phần vì lý do Cổ đông nắm giữ Cổ phần này chết hoặc bị chấm dứt hoạt động (trong trường hợp Cổ đông là tổ chức) sẽ có mọi quyền đối với Cổ phần như thể người này là Cổ đông, trừ quyền tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì chỉ có được sau khi người này đã đăng ký thành Cổ đông theo các quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>11.2 Chuyển giao Cổ phần</p> <p>(c) Bằng việc gia nhập Công ty với tư cách Cổ đông, mỗi Cổ đông thừa nhận và đồng ý một cách không huỷ ngang và vô điều kiện với<u>tuân thủ</u> các quy định về thừa kế Cổ phần hoặc sở hữu Cổ phần trong trường hợp Cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động hay tái cơ cấu như quy định trong Điều lệ này.</p> <p>(d) Một người có quyền thừa hưởng đối với Cổ phần vì lý do Cổ đông nắm giữ<u>sở hữu</u> Cổ phần này chết hoặc bị chấm dứt hoạt động (trong trường hợp Cổ đông là tổ chức) sẽ có mọi quyền đối với Cổ phần như thể người này là Cổ đông, trừ quyền tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì chỉ có được sau khi người này đã đăng ký thành <u>kể từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào Sổ Đăng ký Cổ đông</u> theo các quy định tại Điều lệ này.</p>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
40.	<p>Điều 12. Mua Lại Cổ Phần</p> <p>12.1 Công ty được mua lại Cổ phần sau khi đáp ứng các điều kiện và hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 12. Mua lại Cổ phần</p> <p>12.1 Công ty được mua lại Cổ phần sau khi đáp ứng các điều kiện và hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này<u>Điều lệ này và quy định Pháp luật chứng khoán</u>.</p>	Bổ sung vì ngoài tuân thủ quy định Điều lệ, cần tuân thủ Điều 36, Điều 37 Luật chứng khoán đối với việc mua lại cổ phần của Công ty đại chúng

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

41.	12.2 Mua lại Cổ phần theo yêu cầu Cổ đông: (a) Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng Cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;	12.2 Mua lại Cổ phần theo yêu cầu Cổ đông: (a) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng Cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc , kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;	Sửa đổi phù hợp theo Điều 132.1 Luật Doanh nghiệp 2020
42.	12.2 Mua lại Cổ phần theo yêu cầu Cổ đông: (b) Hội đồng Quản trị Công ty xem xét và quyết định việc mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm (a) Khoản này. Nguồn vốn để mua lại cổ phần theo quy định tại điểm (a) Khoản này được trích từ quỹ thặng dư vốn cổ phần và/hoặc từ lợi nhuận chưa chia;	12.2 Mua lại Cổ phần theo yêu cầu Cổ đông: (b) Hội đồng Quản trị Công ty xem xét và quyết định việc mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm (a) Khoản Điều 12.2 Điều lệ này. Nguồn vốn để mua lại cổ phần theo quy định tại điểm (a) Khoản Điều 12.2 Điều lệ này được trích từ quỹ thặng dư vốn cổ phần và/hoặc từ, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa chia phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung Vốn Điều lệ theo quy định của Pháp luật ;	Bổ sung theo Điều 36 Luật Chứng khoán 2019
43.	12.2 Mua lại Cổ phần theo yêu cầu Cổ đông: (c) Trong trường hợp Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông theo quy định tại điểm (a) và điểm (b) Khoản này thì giá mua sẽ tương đương giá thị trường và việc mua lại được thực hiện trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được	12.2 Mua lại Cổ phần theo yêu cầu Cổ đông: (c) Trong trường hợp Công ty mua lại cổ Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông theo quy định tại điểm (a) và điểm (b) Khoản Điều 12.2 Điều lệ này thì giá mua sẽ tương đương giá thị trường và việc hoặc giá do các bên thỏa thuận hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy	Sửa đổi phù hợp Điều 132.2 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>yêu cầu hoặc một thời hạn khác theo thỏa thuận của các bên. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán Cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p><u>định của Pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Việc</u> mua lại được thực hiện trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc một thời hạn khác theo thỏa thuận của các bên. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán Cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức <u>thẩm</u> định giá chuyên nghiệp để định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức <u>thẩm</u> định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	
44.	<p>12.3 Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>(a) Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần Ưu đãi Cổ tức đã bán bằng thặng dư vốn hoặc lợi nhuận chưa phân phối hoặc nguồn vốn khác phù hợp theo quy định sau đây:</p> <p>i. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày chào bán. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>ii. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần Phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm (b) của Khoản này. Đối với Cổ phần loại khác, giá mua theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>12.3 Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>(a) Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán bằng thặng dư vốn hoặc, lợi nhuận <u>sau thuế</u> chưa phân phối hoặc, nguồn vốn khác phù hợp theo quy định sau đây:</p> <p>i. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày chào bán. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>ii. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm (b) của Khoản này. Điều 12.3 Điều lệ này. Đối với Cổ phần loại khác, giá mua theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi dẫn chiếu

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

45.	<p>12.3 Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>(b) Công ty có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho Công ty.</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi chào bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, hoặc số Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng thực thông tin cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc; số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	<p>12.3 Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>Công ty có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho Công ty.</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi <u>chào</u>văn bản <u>đồng ý</u> bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. <u>Chào</u>Văn bản <u>đồng ý</u> bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú liên hệ, số Giấy chứng minh nhân dân, hoặc số Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng thực thông tin cá nhân<u>pháp lý</u> của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc; số quyết định thành lập<u>giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính và<u>đổi với</u> Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
-----	--	--	-------------------------------

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

46.	<p>12.4 Điều kiện thanh toán và xử lý Cổ phần được mua lại gồm:</p> <p>(a) Công ty chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại Khoản 12.2 và Khoản 12.3 của Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>(b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 12.2 và Khoản 12.3 của Điều này được coi là Cổ phần thu về và thuộc số Cổ phần được quyền chào bán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng tổng giá trị các mệnh giá các Cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp Pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<p>12.4 Điều kiện thanh toán và xử lý Cổ phần được mua lại gồm:</p> <p>(a) Công ty chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại Khoản Điều 12.2 và Khoản Điều 12.3 của Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>(b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản Điều 12.2 và Khoản Điều 12.3 của Điều này được coi là Cổ phần thu về chưa bán và thuộc số Cổ phần được quyền chào bán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh đăng ký giảm Vốn Điều lệ tương ứng tổng giá trị eác-mệnh giá các Cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp Pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	Sửa đổi phù hợp khoản Điều 134.2 Luật Doanh nghiệp 2020
-----	--	---	---

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

47.	Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Đại hội đồng Cổ đông;- Hội đồng Quản trị;- Ban kiểm soát- Tổng Giám đốc, Ban Điều hành gồm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những thành viên khác do Tổng Giám đốc quy định.	Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Đại hội đồng Cổ đông;- Hội đồng quản trị;—Ban Kiểm soát; và- Tổng Giám đốc-; và- Ban Điều hành gồm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những thành viên khác do Tổng Giám đốc quy định.	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
48.	Điều 14. Quyền của Cổ đông 14.2 Cổ đông Phổ thông có các quyền sau: (g) Tùy thuộc vào quy định tại Điều 50 của Điều lệ, được xem thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty (ngoại trừ các Thông tin Mật quy định tại Điều 66);	Điều 14. Quyền của Cổ đông 14.2 Cổ đông Phổ thông có các quyền sau: Tùy thuộc vào quy định tại Điều 50 <u>Điều 48</u> của Điều lệ, được xem thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty (ngoại trừ các Thông tin mật quy định tại Điều 66); <u>Điều 64 Điều lệ này</u>);	Sửa đổi dẫn chiếu
49.	14.2 Cổ đông Phổ thông có các quyền sau: (h) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến chính mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông và quyền biểu quyết của các Cổ đông này và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	14.2 Cổ đông Phổ thông có các quyền sau: (h) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <u>về tên và địa chỉ</u> liên quan đến chính mình <u>lạc</u> trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và quyền biểu quyết của các Cổ đông này và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác <u>của mình</u> ;	Sửa đổi phù hợp với Điều 115.1.đ Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

50.	14.2 Cổ đông Phổ thông có các quyền sau: (i) Được yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình trong các trường hợp được Pháp luật quy định hoặc các trường hợp khác được Hội đồng Quản trị chấp thuận với mức giá thoả thuận hoặc mức giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định;	14.2 Cổ đông Phổ thông có các quyền sau: (i) Được yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình trong các trường hợp được Pháp luật quy định hoặc các trường hợp khác được Hội đồng quản trị chấp thuận với mức giá thoả thuận hoặc mức giá do một tổ chức <u>thẩm định giá chuyên nghiệp</u> xác định;	Sửa đổi phù hợp với Điều 132.1 Luật Doanh nghiệp 2020
51.	14.3 Ngoài ra, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:	14.3 Ngoài ra, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% <u>(mười5% (năm phần trăm)</u> tổng số Cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:	Sửa đổi phù hợp với Điều 115.2 Luật Doanh nghiệp 2020
52.	(a) Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;	(a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;	Sửa đổi phù hợp với Điều 115.2, 115.5 Luật Doanh nghiệp 2020
53.	(b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;	(a) Xem xét, <u>tra cứu</u> và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	Sửa đổi phù hợp với Điều 284 Nghị định 155/2020 và Điều 115.2 (a) Luật Doanh nghiệp
54.	14.3 (c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014;	14.3 (b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại <u>Điều 115.3 của Luật Doanh nghiệp 2020;</u>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

55.	14.3 (d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	(d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
56.	(f) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	(c) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này <u>và theo quy định của Pháp luật</u> .	Sửa đổi phù hợp với Điều 115.2.d Luật Doanh nghiệp 2020
57.		14.4 <u>Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên, ngoài các quyền được quy định tại Điều 14.3 Điều lệ này, còn có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.</u>	Bổ sung phù hợp với Điều 115.5 Luật Doanh nghiệp 2020
58.	14.4 Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết có quyền và nghĩa vụ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.	<u>14.5</u> Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi biểu quyết có quyền và nghĩa vụ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>phù hợp với quy định của Pháp luật</u> .	Sửa đổi phù hợp với Điều 116.4. Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

59.	14.5 Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi Cổ tức ngoài quyền và nghĩa vụ như Cổ phần Phổ thông, trừ các quyền nêu tại các điểm (a), (b) Khoản 14.2 và điểm (a) Khoản 14.3 của Điều này, còn được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của Cổ phần Phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cao hơn và mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên Cổ phiếu của Cổ phần Ưu đãi Cổ tức.	14.6 Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức: (a) có quyền và nghĩa vụ như Cổ <u>đông sở hữu Cổ phần phổ thông, nhưng không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, trừ các quyền nêu trong hợp quy định tại các điểm (a), (b) Khoản 14.2(e) Điều 23.2 và điểm (a) Khoản 14.3 của Điều lệ này, còn;</u> (a)(b) được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của Cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Cổ tức cố định, <u>cổ tức thưởng</u> và phương thức xác định cổ tức thưởng được Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi trên Cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi cổ tức.	Sửa đổi phù hợp với Điều 117.3 Luật Doanh nghiệp 2020
60.	14.6 Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại ngoài quyền và nghĩa vụ như Cổ phần Phổ thông, trừ quyền nêu tại các điểm (a), (b) Khoản 14.2 và điểm (a) Khoản 14.3 của Điều này, còn được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của Cổ đông đó hoặc theo các điều kiện được Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi tại Cổ phiếu của Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại.	14.7 Cổ đông <u>nắm giữ sở hữu</u> Cổ phần ưu đãi hoàn lại: (a) có quyền và nghĩa vụ như Cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông, <u>trừ nhưng không có quyền nêu biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại các điểm (a), (b) Khoản 14.2 và điểm (a) Khoản 14.3(e) Điều 23.2 của Điều lệ này;</u> (b) được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của Cổ đông đó hoặc theo các điều kiện được Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi tại Cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi hoàn lại.	Sửa đổi phù hợp với Điều 118.3 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

61.	14.7 Cổ đông nắm giữ các loại Cổ phần Ưu đãi khác sẽ có các quyền và nghĩa vụ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông mỗi khi Công ty phát hành loại Cổ phần Ưu đãi đó.	14.8 Cổ đông nắm giữ <u>sở hữu</u> các loại Cổ phần ưu đãi khác sẽ có các quyền và nghĩa vụ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông mỗi khi Công ty phát hành loại Cổ phần ưu đãi đó.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
62.	Điều 15. Nghĩa Vụ Của Cổ Đông 15.1 Cổ đông có các nghĩa vụ sau: (d) Bảo vệ danh dự, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;	Điều 15. Nghĩa Vụ Của Cổ Đông 15.1 Cổ đông có các nghĩa vụ sau: (d) Bảo vệ danh dự <u>hình ảnh, uy tín</u> , lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;	Điều chỉnh vì chuyên nghĩa vụ bảo mật đến Điều 15.1.j Điều lệ
63.	15.1 Cổ đông có các nghĩa vụ sau: (g) Cung cấp chính xác địa chỉ đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức, địa chỉ liên lạc đối với Cổ đông là cá nhân khi đăng ký mua Cổ phần;	15.1 Cổ đông có các nghĩa vụ sau: (g) Cung cấp chính xác địa chỉ đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức, địa chỉ liên lạc, <u>bao gồm địa chỉ cư trú và địa chỉ thư điện tử</u> , đối với Cổ đông là cá nhân khi đăng ký mua Cổ phần <u>hoặc khi có sự thay đổi thông tin liên lạc của Cổ đông</u> ;	Bổ sung nhằm xác định hộp thư điện tử (email) cũng là một kênh thông tin liên lạc với Cổ đông.
64.		15.1 Cổ đông có các nghĩa vụ sau: <u>(j) Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác, trừ khi việc cung cấp đó phù hợp với Điều lệ này hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty.</u>	Bổ sung cho phù hợp với quy định của Điều 119.5 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

65.	Điều 17. Quyền và Nhiệm Vụ Của Đại hội đồng Cổ đông 17.3 Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu Hội đồng Quản trị đề trình việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để Đại hội đồng Cổ đông xem xét và phê duyệt;	Điều 17. Quyền và Nhiệm Vụ Của Đại hội đồng Cổ đông 17.3 Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ; trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu Hội đồng Quản trị đề trình việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để Đại hội đồng Cổ đông xem xét và phê duyệt;	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
66.	17.4 Xem xét và quyết định xử lý các sai phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc cho các Cổ đông của Công ty;	17.4 Xem xét và quyết định xử lý các sai phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát , Ban Giám đốc và Kế toán trưởng gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc cho các Cổ đông của Công ty;	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
67.	17.8 Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty	<u>17.8 Thông qua định hướng phát triển của Công ty. Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 138.2 (a) Luật Doanh nghiệp 2020
68.	17.10 Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán;	17.10 Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán; 17.10 <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 138.2 (m) Luật Doanh nghiệp 2020
69.	17.11 Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản	<u>17.11</u> Quyết định phê chuẩn <u>ngân sách</u> hoặc không phê chuẩn tổng số tiền thù lao, <u>thưởng và lợi ích khác</u> của các	Sửa đổi phù hợp với Điều 138.2(k) Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	trị và báo cáo tiền thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;	thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị <u>và Kiểm soát viên;</u>	
70.		<u>17.12 Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;</u>	Bổ sung theo Điều 138.2 (l) Luật Doanh nghiệp 2020
71.	17.13 Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn giao dịch với Bên có liên quan được đề cập tại Điểm 44.1(a);	<u>17.14</u> Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan được đề cập tại <u>điểm (a) và (b) Điều 43.1 của Điều lệ này;</u>	Điều chỉnh dẫn chiếu.
72.	Điều 18. Các Đại Diện Được Ủy Quyền 18.4 Văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải theo mẫu do Công ty quy định và đảm bảo yêu cầu sau đây: (a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi người ủy quyền; và (b) Trường hợp Cổ đông là tổ chức thì phải được người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó ký và đóng dấu theo quy định pháp luật.	Điều 18. Các Đại Diện Được Ủy Quyền 18.4 Văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải theo mẫu do Công ty quy định <u>phù hợp Pháp luật</u> và đảm bảo yêu cầu sau đây: (a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi <u>cổ đông và người đại diện theo ủy quyền;</u> và (b) Trường hợp Cổ đông là tổ chức thì <u>văn bản ủy quyền</u> phải được <u>ký bởi</u> người đại diện theo pháp luật của tổ chức <u>đó ký</u> và <u>đóng dấu người đại diện</u> theo <u>quy định pháp luật ủy quyền.</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 144.2 của Luật Doanh nghiệp 2020
73.	18.5 Trong trường hợp Hội đồng Quản trị thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể ban hành mẫu giấy ủy quyền để sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	18.5 Trong trường hợp Hội đồng Quản trị thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể ban hành mẫu giấy ủy quyền để sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông <u>phù hợp với Pháp luật.</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 144.2 của Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

74.	18.6 Trừ trường hợp quy định tại khoản 18.3 Điều này, phiếu bầu của đại diện được ủy quyền hợp lệ vẫn được coi là có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông ủy quyền xảy ra các trường hợp sau:	18.6 Trừ trường hợp quy định tại <u>khoản Điều 18.3 này Điều lệ này</u> , phiếu bầu của đại diện được ủy quyền hợp lệ vẫn được coi là có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông ủy quyền xảy ra các trường hợp sau:	Điều chỉnh dẫn chiếu
75.	Điều 19. Thay Đổi Các Quyền 19.1 Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần Ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) Cổ phần Phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của loại Cổ phần Ưu đãi nói trên tại cuộc họp biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần Ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng giá trị của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số Cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	Điều 19. Thay Đổi Các Quyền 19.1 — Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần Ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) Cổ phần Phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của loại Cổ phần Ưu đãi nói trên tại cuộc họp biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần Ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng giá trị của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số Cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên. <u>19.1 Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực theo quy định tại điểm (e) Điều 23.2 Điều lệ này.</u>	Thay quy định cụ thể bằng dẫn chiếu đến Điều 23.2 Điều lệ cho ngắn gọn và rõ ràng hơn

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>		
76.	<p>Điều 20. Triệu Tập Họp Đại hội đồng Cổ đông, Chương Trình Họp và Thông Báo Họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>20.1 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc một thời hạn khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong phạm vi quy định của Pháp luật tại thời điểm và địa điểm do Hội đồng Quản trị quyết định. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xin phép Cơ quan Đăng ký kinh doanh kéo dài thời hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm chuẩn bị chương trình nghị sự của mỗi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể giao cho Tổng Giám đốc chuẩn bị chương trình nghị sự của mỗi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xem xét, phê duyệt và chịu trách nhiệm sau cùng đối với nội dung chương trình nghị sự của Cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng</p>	<p>Điều 20. Triệu Tập Họp Đại hội đồng Cổ đông, Chương Trình Họp và Thông Báo Họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>20.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc một thời hạn khác mà Hội đồng quản trị quyết định trong phạm vi quy định của Pháp luật tại thời điểm và địa điểm do Hội đồng quản trị quyết định. Trong. Trừ trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin phép Cơ quan Đăng ký kinh doanh kéo dài thời hạn <u>quyền quyết định việc gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</u> nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>20.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chuẩn bị chương trình nghị sự của mỗi Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể giao cho Tổng Giám đốc chuẩn bị chương trình nghị sự của mỗi Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét, phê duyệt và chịu trách nhiệm sau cùng đối với nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ, đặc biệt thông</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 139.2 của Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó, HĐQT được quyền quyết định việc gia hạn họp ĐHĐCĐ thay vì cơ quan đăng ký kinh doanh như quy định tại LDN 2014.</p> <p>Tách Điều 20.1 thành 2 điều 20.1 và 20.2</p>

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	năm của Công ty và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.	qua các Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.	
77.	20.2 Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: (a) Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông; chương trình họp và các tài liệu cần thiết theo quy định Pháp luật và Điều lệ này;	20.3 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: (a) Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 05 (năm) <u>quá 10 (mười)</u> ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu cần thiết theo quy định Pháp luật và Điều lệ này;	Điều chỉnh theo Điều 141.1 của Luật Doanh nghiệp 2020
78.	20.2 (e) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;	<u>20.3</u> (e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên ;	Thay đổi mô hình quản trị không có Ban kiểm soát
79.	20.3 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập trong các trường hợp sau: (c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý, nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn chủ sở hữu đã bị mất từ 15% (mười lăm phần trăm) trở lên;	<u>20.4</u> Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập trong các trường hợp sau: (c) — Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý, nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn chủ sở hữu đã bị mất từ 15% (mười lăm phần trăm) trở lên;	Bỏ vì Pháp luật không bắt buộc.

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

80.	<p>20.3 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập trong các trường hợp sau:</p> <p>(d) Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định hoặc khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn 2/3 (hai phần ba) số thành viên quy định trong Điều lệ này;</p>	<p><u>20.4</u> Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập trong các trường hợp sau:</p> <p>(c) Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị, <u>Ban Kiểm soát</u> ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định hoặc khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn 2/3 (hai phần ba) số thành viên quy định trong Điều lệ này;</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 140.1(b) của Luật Doanh nghiệp 2020
81.	<p>20.3</p> <p>(e) Theo yêu cầu của (i) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên 10 05% (mười năm năm phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng hoặc (ii) ít nhất 03 (ba) thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc</p>	<p><u>20.4</u></p> <p>(d) <u>Theo yêu cầu bằng văn bản của (i)</u> Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông <u>nắm giữ sở hữu</u> trên 10% 5% (mười năm năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng; hoặc <u>theo yêu cầu của (ii)</u> ít nhất 03 (ba) thành viên Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 115.2 và 140.1.d của Luật Doanh nghiệp 2020
82.	<p>20.3</p> <p>(f) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có căn cứ tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Điều lệ và Pháp luật hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	<p><u>20.4</u></p> <p>(f) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có căn cứ tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Điều lệ và Pháp luật hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

83.	<p>20.4 Trừ trường hợp Pháp luật quy định khác, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập bằng văn bản thông báo (fax, email hoặc thư) gửi đến từng Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng ký Cổ đông hoặc địa chỉ thư điện tử đăng ký với Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Đồng thời thông báo mời họp phải được gửi kèm theo chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.</p>	<p>20.4—Trừ trường hợp Pháp luật quy định khác, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập bằng văn bản thông báo (fax, email hoặc thư) gửi đến từng Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng ký Cổ đông hoặc địa chỉ thư điện tử đăng ký với Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Đồng thời thông báo mời họp phải được gửi kèm theo chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.</p> <p><u>20.5 Trừ trường hợp Pháp luật quy định khác, Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập bằng thông báo mời họp và tài liệu cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền gửi đến từng Cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp theo địa chỉ cư trú, địa chỉ hộp thư điện tử hoặc tin nhắn đến số điện thoại đã đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.</u></p>	Sửa đổi phù hợp Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020
-----	---	--	---

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<p><u>Các tài liệu phục vụ cho cuộc họp bao gồm: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết có thể được gửi kèm theo văn bản thông báo mời họp hoặc thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty với điều kiện thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.</u></p>	
84.	<p>20.6 Việc ngẫu nhiên không gửi được thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được thông báo này sẽ không làm vô hiệu các tiến trình của Đại hội đồng Cổ đông đó. Tuy nhiên, việc Công ty không thực hiện được việc giao thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông hoặc địa chỉ thư điện tử đăng ký với Công ty không được coi là sự cố bất ngờ trong mọi trường hợp. Trong trường hợp có tranh chấp về vấn đề này, Công ty có trách nhiệm phải chứng minh là thông báo đã được gửi đi một cách đúng đắn. Ngoài ra, nếu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị triệu tập lại vì không đủ số đại biểu tối thiểu, ngay lập tức Công ty sẽ phải cố gắng để xác nhận bằng fax, thư điện tử, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin tương tự để thông báo cho Cổ đông việc triệu tập lại họp Đại hội đồng Cổ đông về thời gian và địa điểm được dời lại của phiên họp.</p>	<p>20.6 Việc ngẫu nhiên không gửi được thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được thông báo này sẽ không làm <u>gián đoạn cuộc họp và không ảnh hưởng đến hiệu lực các nghị quyết</u> vô hiệu các tiến trình của Đại hội đồng Cổ đông đó. Tuy nhiên, việc Công ty không thực hiện được việc giao thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông hoặc địa chỉ thư điện tử đăng ký với Công ty không được coi là sự cố bất ngờ trong mọi trường hợp. Trong trường hợp có tranh chấp về vấn đề này, Công ty có trách nhiệm phải chứng minh là thông báo đã được gửi đi một cách đúng đắn. Ngoài ra, nếu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị triệu tập lại vì không đủ số đại biểu tối thiểu, ngay lập tức Công ty sẽ phải cố gắng để xác nhận bằng fax, thư điện tử, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin tương tự để thông báo cho Cổ đông việc triệu tập lại họp Đại hội đồng Cổ đông về thời gian và địa điểm được dời lại của phiên họp.</p>	Sửa cho rõ nghĩa hơn.

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

85.	<p>20.6 Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng theo quy định hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.</p>	<p>20.6— Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng theo quy định hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.</p>	Chuyển nội dung này đến Điều 20.3.
86.	<p>Điều 21 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>21.1 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>(a) Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông nắm giữ ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Điều 21 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>21.1 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>(a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông <u>nắm giữ ít nhất 51%</u> <u>sở hữu trên 50%</u> (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 145.1 Luật Doanh nghiệp 2020
87.	<p>21.1</p> <p>(b) Nếu số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông không hiện diện trong vòng 60 (sáu mươi) phút sau khi phiên họp dự kiến bắt đầu, hoặc nếu trong quá trình họp Đại hội đồng Cổ đông số đại biểu hiện diện dưới mức tối thiểu, Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp lần thứ nhất và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có</p>	<p>21.1</p> <p>(b) Nếu số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông không hiện diện trong vòng 60 (sáu mươi) phút sau khi phiên họp dự kiến bắt đầu, hoặc nếu trong quá trình họp Đại hội đồng Cổ đông số đại biểu hiện diện dưới mức tối thiểu, Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp lần thứ nhất và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại Cuộc họp này (Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 145.2 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	tại Cuộc họp này (Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ) sẽ được giảm xuống ở mức nắm giữ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.	của họ) sẽ được giảm xuống ở mức nắm giữ từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết <u>trở lên</u> .	
88.	21.2 Kiến nghị thay đổi nội dung chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông (a) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên trong thời gian liên tục 06 (sáu) tháng trước ngày diễn ra Đại hội có quyền kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị thay đổi hoặc thêm vào nội dung chương trình họp phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày bắt đầu phiên họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ đông hoặc các Cổ đông kiến nghị, số lượng Cổ phần của mỗi Cổ đông này đang nắm giữ, chữ ký và những vấn đề kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông.	21.2 Kiến nghị thay đổi nội dung chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông (a) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ <u>sở hữu</u> từ 10% <u>(mười 5% (năm</u> phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ <u>phổ</u> thông trở lên trong thời gian liên tục 06 (sáu) tháng trước ngày diễn ra Đại hội có quyền kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị thay đổi hoặc thêm vào nội dung chương trình họp phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày <u>làm việc</u> trước ngày bắt đầu phiên họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ đông hoặc các Cổ đông kiến nghị, số lượng Cổ phần của mỗi Cổ đông này đang nắm giữ <u>sở hữu</u> , chữ ký và những vấn đề kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp với Điều 142.2 Luật Doanh nghiệp 2020
	21.2 (b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung trong một trong các trường hợp sau đây: i. Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng thời hạn hoặc không đáp ứng đủ các thông tin; hoặc ii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc	21.2 (b) <u>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm (a) Điều 21.2 Điều lệ này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</u> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung trong <u>nếu thuộc</u> một trong các trường hợp sau đây:	Sửa đổi phù hợp với Điều 142.3 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>iii. Người kiến nghị không xuất trình hoặc gửi kèm đủ các giấy tờ theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.</p>	<p>i. Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng thời hạn hoặc không đáp ứng đủ các thông tin quy định tại điểm (a) Điều 21.2 Điều lệ này; hoặc</p> <p>ii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc</p> <p>iii. Người kiến nghị không xuất trình hoặc gửi kèm đủ các giấy tờ theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.</p>	
89.	<p>Điều 22. Thẻ Thúc Tiến Hành Hợp và Biểu Quyết Tại Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>22.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc từng đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký Cổ đông, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết, số phiếu tán thành Nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc không có ý kiến, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội đồng Cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Nếu Đại hội đồng Cổ đông không bầu thì thành viên Ban kiểm phiếu sẽ được Chủ toạ chọn. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.</p>	<p>Điều 22. Thẻ thúc tiến hành hợp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>22.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc từng đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký Cổ đông, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành Việc biểu quyết, số phiếu được tiến hành bằng biểu quyết tán thành Nghị quyết được thu trước, số phiếu, không tán thành Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc và không có ý kiến, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố trước khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. bẻ mac cuộc hop. Đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ toạ. Nếu Đại hội đồng cổ đông không bầu thì thành viên ban kiểm phiếu sẽ được chủ toạ chọn. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 146.5 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: ~~[chữ màu, gạch ngang](#)~~.

90.	22.3 Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muợn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	22.3 Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng Cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muợn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	Bổ sung cho phù hợp với Pháp luật
91.	22.4 Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ tọa phiên họp Đại hội đồng Cổ đông. Nếu cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đều không có mặt trong vòng 45 (bốn mươi lăm) phút sau khi Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông dự kiến bắt đầu, các thành viên Hội đồng Quản trị khác có mặt sẽ bầu một thành viên trong số họ làm Chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận hoặc, nếu chỉ có duy nhất một thành viên Hội đồng Quản trị có mặt, thành viên này sẽ làm Chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.	22.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ tọa phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều không có mặt trong vòng 45 (bốn mươi lăm) phút sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến bắt đầu, các thành viên Hội đồng quản trị khác có mặt sẽ bầu một thành viên trong số họ làm chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận hoặc, nếu chỉ có duy nhất một thành viên Hội đồng quản trị có mặt, thành viên này sẽ làm chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Chủ chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: ~~[chữ màu, gạch ngang](#)~~.

92.	<p>22.6</p> <p>Chủ tọa Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng (a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại Hội, (b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, (c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết hoặc (d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn Cuộc họp tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Cuộc họp bị hoãn trước đó.</p>	<p>22.6</p> <p>Chủ tọa Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng (a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại Hội, (b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, (c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết hoặc (d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông khi có sự nhất trí hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn Cuộc họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Cuộc họp bị hoãn trước đó.</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 146.8 Luật Doanh nghiệp 2020
93.	<p>22.7 Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành Cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại Cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p>	<p>22.7 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 22.6 Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành Cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểunghị quyết tại Cuộccuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 146.9 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

94.	Điều 23. Thông Qua Nghị Quyết Của Đại hội đồng Cổ đông 23.1 Đại hội đồng Cổ đông thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây: (d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;	Điều 23. Thông Qua Nghị Quyết Của Đại hội đồng Cổ đông 23.1 Đại hội đồng Cổ đông thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây: (d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị <u>và Ban Kiểm soát; hoặc</u>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
95.	23.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: (a) Được Cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận; (b) Đối với Nghị quyết về i. Loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại; ii. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; iii. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; iv. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; v. Đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (Năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	23.2 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua <u>tại cuộc họp</u> khi có đủ các điều kiện sau đây: (a) Được <u>số</u> Cổ đông đại diện <u>ít nhất 51 trên 50%</u> (năm mươi <u>một</u> phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp <u>chấp thuận; tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm (b), (c), (d), (e) Điều 23.2 Điều lệ này;</u> (b) Đối với <u>Nghị nghị</u> quyết về i. Loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại; ii. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; iii. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; iv. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; v. Đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (Năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong <u>báo Báo</u> cáo tài chính gần nhất của Công ty; vi. Tổ chức lại, giải thể Công ty;	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

	<p>vi. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.</p>	<p><u>vii. Giao dịch với Người có liên quan theo quy định tại điểm (a) Điều 43.1;</u></p> <p><u>thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.</u></p> <p><u>(c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tùy từng thời điểm. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.</u></p> <p><u>(d) Được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại điểm (a) Điều 43.1 Điều lệ này.</u></p> <p><u>(e) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu Cổ phần</u></p>	
--	--	--	--

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<p><u>ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dư hợp sở hữu từ 75% tổng số Cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số Cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	
96.	<p>23.3. Nếu tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết (hoặc đại diện được uỷ quyền) đều nhất trí thông qua Nghị quyết thì Nghị quyết đó hợp lệ trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả khi thủ tục triệu tập Đại hội đồng Cổ đông không được tiến hành phù hợp hoặc nội dung cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông không được đưa vào chương trình họp theo quy định của Điều 20.4. Trong trường hợp như vậy, các Cổ đông coi như đã đồng ý từ bỏ yêu cầu về thủ tục triệu tập họp hoặc về nội dung Cuộc họp.</p>	<p>23.3. Nếu tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết (hoặc đại diện được uỷ quyền) <u>đại diện cho một trăm phần trăm (100%) tổng số phiếu biểu quyết</u> đều nhất trí thông qua nghị quyết thì nghị quyết đó hợp lệ trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả khi thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không được tiến hành phù hợp hoặc nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không được đưa vào chương trình họp theo quy định của Điều 20.4<u>Điều 20.3 Điều lệ này</u>. Trong trường hợp như vậy, các Cổ đông coi như đã đồng ý từ bỏ yêu cầu về thủ tục triệu tập họp hoặc về nội dung cuộc họp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Pháp luật</p>
97.	<p>23.5. Tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi tất cả các văn bản cần thiết và đầy đủ thông tin để đưa ra các quyết định chính xác.</p>	<p>23.5. Tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi tất cả các văn bản cần thiết và đầy đủ thông tin để đưa ra các quyết định chính xác.</p>	<p>Bỏ vì đã được quy định tại Điều 20.5 Điều lệ</p>
98.		<p><u>23.7 Biên bản kiểm phiếu, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, văn bản uỷ quyền tham dự, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu trữ trong Sổ Biên bản giữ tại trụ sở Công ty và phải sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông khi có nhu cầu kiểm tra.</u></p>	<p>Chuyển đến từ quy định tại Điều 24.2 Điều lệ và bổ sung cho phù hợp với Điều 11 và Điều 149.7 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

99.		23.8 Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn Pháp luật quy định.	Bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty
100.	Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 24.2 Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất (10) mười ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2014. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp 2014.	Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 24.2 Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất (10) mười ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2014. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp 2014 lê và Pháp luật .	Sửa đổi phù hợp với sự thay đổi của Pháp luật
101.	(c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; ii. Mục đích lấy ý kiến; iii. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh	24.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; ii. Mục đích lấy ý kiến; iii. Họ, tên, địa chỉ thường trú liên lạc , quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập giấy tờ pháp	Sửa đổi phù hợp với Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ thường trú, của Cổ đông hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng thực thông tin cá nhân của đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;</p> <p>iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>vi. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p>	<p><u>lý</u>, địa chỉ thường trú, trụ sở chính của Cổ đông hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng thực thông tin cá nhân <u>giấy tờ pháp lý</u> của đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;</p> <p>iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>vi. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; <u>và</u></p> <p>vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p>	
102.	24.2 <p>(d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trước khi kiểm phiếu đều không hợp lệ.</p>	24.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu hoặc của người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở <u>trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử</u> trước khi kiểm phiếu đều không hợp lệ. <u>Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 149.4(c) Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

103.	<p>24.2 (e) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;iii. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;v. Các quyết định đã được thông qua;vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.	<p>24.5 Hội đồng quản trị <u>tổ chức</u> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát, giám sát Ủy ban kiểm toán hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận Đăngđăng <u>đăng</u> ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;iii. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và, số biểu quyết không hợp lệ <u>và phương thức gửi phiếu biểu quyết</u>, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;v. Các quyết định <u>Vấn đề</u> đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u>;vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>Người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.	Sửa đổi phù hợp với Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020
------	--	--	---

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

104.	24.2.(g) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ và phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;	24.7 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên websitetrang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ và phải hoặc được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Sửa đổi phù hợp với Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020
105.	24.2.(i) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	24.9 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 51 trên 50 % (năm mươi một phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp thông qua nghị quyết về Giao dịch với Người có liên quan quy định tại Điều 43.1 Điều lệ này.	Điều chỉnh vì tỷ lệ biểu quyết thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đã được bổ sung quy định tại điểm d Điều 23.2 Điều lệ
106.	24.2 Thông tin về các Nghị quyết	24.2 Thông tin về các Nghị quyết	
107.	(a) Các Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi chép biên bản bằng tiếng Việt theo yêu cầu của Pháp luật. Biên bản phải được lưu trữ trong Sổ Biên bản giữ tại trụ sở Công ty và phải sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông khi có nhu cầu kiểm tra.	(a) Các Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi chép biên bản bằng tiếng Việt theo yêu cầu của Pháp luật. Biên bản phải được lưu trữ trong Sổ Biên bản giữ tại trụ sở Công ty và phải sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông khi có nhu cầu kiểm tra.	Chuyển đến Điều 25.2 Điều lệ cho phù hợp về nội dung
108.	(b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến các Cổ đông và các Cán bộ Quản lý chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra Nghị quyết.	(b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến các Cổ đông và các Cán bộ Quản lý chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra Nghị quyết	Chuyển đến Điều 23 Điều lệ cho phù hợp về nội dung

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

109.	Điều 25. Biên Bản Họp Đại hội đồng Cổ đông Chủ tọa Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông dưới hình thức ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi bằng thư điện tử hoặc gửi bằng đường bưu điện cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Điều 25. Biên Bản Họp Đại hội đồng Cổ đông	Tách Điều 25 thành các điều 25.1, 25.2 v và 25.3
		25.1 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ giữ các biên bản họp các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức ghi -biên bản giấy và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.	
		25.2 Biên bản họp được ghi chép bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, có họ, tên, chữ ký xác nhận của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Bổ sung phù hợp Điều 150.1 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		25.3 Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.	chuyển quy định lưu giữ đến Điều 23 Điều lệ
110.		25.4 <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn Pháp luật quy định.</u>	Bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty
24 V		25.5 <u>Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u>	Bổ sung phù hợp với Điều 150.6 Luật Doanh nghiệp 2020
25 V	Điều 26. Yêu Cầu Hủy Bỏ Nghị Quyết Của Đại hội đồng Cổ đông Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được (hoặc được đăng tải trên website của Công ty) Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản, tùy vào sự kiện nào đến trước, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:	Điều 26 Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 26.1 Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được (hoặc ngày đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty) nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tùy vào sự kiện nào đến trước, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông <u>nắm giữ sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét <u>và</u> hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:	Sửa đổi phù hợp với Điều 151.1 và 115.2 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>26.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ; hoặc</p> <p>26.2 Nội dung của Nghị quyết vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.</p> <p>Trong trường hợp này, các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>(a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo <u>vi phạm nghiêm trọng</u> quy định của Pháp luật và Điều lệ, <u>trừ trường hợp quy định tại Điều 23.3 Điều lệ</u>; hoặc</p> <p>(b) Nội dung của nghị quyết vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.</p> <p>Trong trường hợp này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi <u>quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của</u> Tòa án, Trọng tài có <u>quyết định khác hiệu lực</u>, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</p>	
111.	<p>Điều 27. Thành Phần và Nhiệm Kỳ Của Thành Viên Hội đồng Quản trị</p> <p>27.1 Thành phần và việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>a)</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo tỷ lệ dưới đây. Theo đó, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ:</p>	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>27.1 Thành phần và việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a)...</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm nắm giữ từ <u>Cổ đông sở hữu</u> 10% (mười phần trăm) e <u>tổng số</u> Cổ phần <u>phổ thông trở lên</u> có quyền <u>biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để</u> đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo tỷ lệ dưới đây. Theo đó, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ <u>sở hữu</u>:</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 115.5 Luật Doanh nghiệp 2020
112.	<p>27.1.(a)</p> <p>Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đầu tiên đã được bổ nhiệm tại phiên họp đầu tiên của Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức theo quy định tại Điều 20 của Điều</p>	<p>27.1.(a)</p> <p>Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên đã được bổ nhiệm tại phiên họp đầu tiên của Đại hội đồng cổ đông được tổ chức theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ. <u>Tổng số thành viên Hội</u></p>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật.

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>lệ. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.</p>	
113.	<p>27.1</p> <p>(b) Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tùy từng thời điểm. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>27.1</p> <p>(b) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu <u>theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tùy từng thời điểm.</u> theo quy định tại điểm (c) Điều 23.2 Điều lệ. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	Chuyển nội dung được bỏ sang Điều 23.2(c)
114.	<p>27.1 (c) Phương thức bầu dồn phiếu được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>27.1 (c) Phương thức bầu dồn phiếu được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tùy từng thời điểm.</u></p>	Bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

115.		27.1 (d) Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị cần đáp ứng được những điều kiện sau: <u>i. Không thuộc những đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;</u>	Bổ sung phù hợp với Điều 155.1 của Luật Doanh nghiệp 2020
116.	27.1 (d) iii. Các điều kiện khác do Đại hội đồng Cổ đông quy định đối với thành viên Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm;	27.1 (d) <u>iv.</u> Các điều kiện khác do Đại hội đồng Cổ đông quy định đối với thành viên Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm <u>phù hợp với Pháp luật.</u>	Bổ sung phù hợp với Pháp luật
117.	27.1(e) Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị bãi nhiệm nếu:	27.1(e) Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị <u>miễn nhiệm</u> , bãi nhiệm nếu:	Bổ sung phù hợp với Pháp luật
118.	27.1(e) i. Thành viên này không còn đáp ứng các điều kiện quy định trong Điểm 27.1(d) hoặc bị cấm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật hoặc theo một quyết định đang có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;	27.1(e) (i) Thành viên này không còn đáp ứng các điều kiện quy định trong <u>Điểm điểm (d) Điều 27.1</u> hoặc bị cấm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật hoặc theo một quyết định đang có hiệu lực pháp luật của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;	Sửa đổi dẫn chiếu
119.	(ii) Tư cách đại diện theo ủy quyền của Cổ đông chấm dứt;	(ii) <u>Tư cách đại diện theo ủy quyền của Cổ đông chấm dứt;</u>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
120.	27.1(e) iv. Thành viên này thông báo từ chức đến Công ty;	27.1(e) iv. Thành viên này thông báo từ chức đến Công ty <u>và được chấp thuận; hoặc</u>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 160.1(b) của Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

121.	27.1(e) v. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong 03 (ba) kỳ họp mà không có sự cho phép của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; hoặc	27.1(e) <u>iv.</u> Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong 03 (ba) kỳ họp <u>06 (sáu) tháng liên tục</u> mà không có sự cho phép của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, <u>trừ trường hợp bất khả kháng</u> ; hoặc	Sửa đổi phù hợp với Điều 160.2(a) Luật Doanh nghiệp 2020
122.		27.1 <u>(f) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài các trường hợp quy định tại điểm (e) Điều 27.1 của Điều lệ này.</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 160.3 Luật Doanh nghiệp 2020
123.	(g) Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các Cán bộ Quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi Pháp luật quy định khác.	(g) Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các Cán bộ Quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi Pháp luật quy định khác.	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
124.	27.1 (e) (h) Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận. Mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Tổng số tiền trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	27.1 (e) (h) Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể được nhận thù lao, <u>thưởng</u> cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận. Mức thù lao, <u>thưởng</u> cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Tổng số tiền trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	Bổ sung phù hợp với Điều 163.1 và 163.2 của Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

125.	<p>27.1 (m)</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty. Ngoài các tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đạt các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Cán bộ quản lý và cán bộ khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;- Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;- Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Cổ đông lớn của công ty;- Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;- Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.	<p>27.1 (m)</p> <p>Thành viên <u>độc lập</u> Hội đồng quản trị độc lập phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty. Ngoài các tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên <u>độc lập</u> Hội đồng quản trị độc lập phải đạt các <u>yêu cầu điều kiện</u> sau:</p> <ul style="list-style-type: none">— Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Cán bộ quản lý và cán bộ khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;— Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;— Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Cổ đông lớn của công ty;— Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;— Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất. <p><u>i. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã</u></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 155.2.a Luật Doanh nghiệp 2020</p>
------	--	--	--

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<p><u>từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;</u></p> <p><u>ii. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</u></p> <p><u>iii. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</u></p> <p><u>iv. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</u></p> <p><u>v. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ; và</u></p> <p><u>vi. Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.</u></p>	
126.	<p>27.1 (n) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điểm 27.1 (m) Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng</p>	<p>27.1 (n) Thành viên <u>độc lập</u> Hội đồng quản trị độc lập phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điểm 27.1 (m) <u>Điểm (m) Điều 27.1 Điều lệ</u> này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị độc lập <u>Hội đồng quản trị</u> kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập <u>Hội đồng quản trị</u> không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên <u>độc lập</u> Hội đồng quản trị độc lập đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 155.3 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có liên quan.	ngày nhận được thông báo của thành viên <u>độc lập</u> Hội đồng quản trị độc lập có liên quan.	
127.	27.1 Nhiệm Kỳ Của Hội Đồng Quản Trị (a) Mỗi Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông tái bổ nhiệm trong các nhiệm kỳ tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.	27.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông tái bổ <u>nhiệm bầu lại</u> trong các nhiệm kỳ tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
128.	Điều 28. Quyền Hạn và Trách Nhiệm Của Hội đồng Quản trị 28.2 Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác.	Điều 28. Quyền Hạn và Trách Nhiệm Của Hội đồng Quản trị 28.2 Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác.	Bỏ vì trùng lặp với quy định tại Điều 28.2(a)
129.	28.3 Không giới hạn bởi quy định chung nêu trên, Hội đồng Quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:	28.3-28.2 Không giới hạn bởi quy định chung nêu trên, Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:	Điều chỉnh lại thứ tự điều khoản
130.	28.3(a) Phụ thuộc vào quy định tại 28.3, phê chuẩn và chỉ đạo chiến lược của Công ty, các kế hoạch hành động chính, chính sách quản lý rủi ro;	<u>28.2</u> Phụ thuộc vào quy định tại Điều 28.3, phê chuẩn và chỉ đạo chiến lược của Công ty, các kế hoạch hành động chính, chính sách quản lý rủi ro; <u>(a) Giám sát đối với hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác để đảm bảo tính tuân thủ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và đảm bảo tính hiệu quả về hoạt động kinh doanh, phát triển Công ty.</u>	Bổ sung phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

131.		<u>28.2</u> <u>(b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 153.2. (a) Luật Doanh nghiệp 2020
132.	28.3 (d) Xem xét và đề xuất các kế hoạch phát triển dài và trung hạn của Công ty để đệ trình lên Đại hội đồng Cổ đông quyết định	28.2 (d) Xem xét và các kế hoạch phát triển dài và trung hạn <u>Đề xuất định hướng phát triển</u> của Công ty để đệ trình lên Đại hội đồng Cổ đông <u>thông qua quyết định</u> .	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
133.	28.3 (g) Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Điều 17.9 và Điều 44 của Điều lệ này, Hội đồng Quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	28.2 (h) Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Điều 17.9 và Điều 44 <u>Điều 43</u> của Điều lệ này, Hội đồng quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Sửa đổi dẫn chiếu
134.	28.3 (p) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng và các quyền lợi khác của Tổng Giám đốc; phê chuẩn việc bổ nhiệm các Cán bộ Quản lý khác từ cấp Phó Phòng Ban trở lên, hoặc bất kỳ người đại diện nào của Công ty theo đệ trình của Tổng Giám đốc;	28.2 (q) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức <u>thành viên Ủy ban kiểm toán</u> , Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, <u>Người phụ trách quản trị Công ty và thư ký công ty</u> ; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và các quyền lợi khác của Tổng Giám đốc; phê chuẩn việc bổ nhiệm, <u>miễn nhiệm, cách chức</u> các Cán bộ quản lý từ cấp phó phòng, ban trở lên và bất kỳ Cán bộ quản lý nào của Công ty theo đệ trình của Tổng Giám đốc;	Sửa đổi theo Điều 153.2(i) và Điều 156.5, Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

135.	28.3 <p>(r) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành Cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p>	28.2 <p>(s) <u>Thỏa thuận với người góp vốn việc định</u> giá các tài sản góp vào Công ty không phải là tiền liên quan đến việc trong quá trình phát hành Cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm <u>nhưng không giới hạn</u>: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p>	Sửa đổi phù hợp Điều 36.3 Luật Doanh nghiệp 2020
136.	28.3 <p>s) Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) Cổ phần theo từng loại đã được chào bán trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày chào bán;</p>	28.2 <p>(t) <u>Quyết định mua lại Cổ phần theo Điều 12 của Điều lệ;</u></p>	
137.	28.4 Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Cán bộ Quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.	28.4 Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Cán bộ Quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.	Bỏ vì đã quy định tại Điều 28.3(m), Điều lệ
138.	Điều 29. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội đồng Quản trị <p>29.1 Hội đồng Quản trị có thể bầu một trong các Thành viên làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một số Thành viên làm Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Chủ tịch</p>	Điều 29. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội đồng Quản trị <p>29.1 Hội đồng Quản trị có thể bầu một trong các Thành viên làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một số Thành viên làm Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị. <u>Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác,</u> Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.</p>	Sửa đổi phù hợp Điều 156.2 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.		
139.	29.3 Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số phiếu.	29.3 Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số <u>phiếu thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị</u> .	Bổ sung phù hợp với Điều 156.4 Luật Doanh nghiệp 2020
140.	Điều 30. Cuộc Họp Hội đồng Quản trị 30.2 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến. Các Cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tổ chức tùy theo nhu cầu của hoạt động kinh doanh, nhưng mỗi quý phải họp tối thiểu là 01 (một) lần. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: (a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Cán bộ quản lý khác; hoặc	Điều 30. Cuộc Họp Hội đồng Quản trị 30.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) <u>03 (ba)</u> ngày <u>làm việc</u> trước ngày họp dự kiến. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tổ chức tùy theo nhu cầu của hoạt động kinh doanh, nhưng mỗi quý phải họp tối thiểu là 01 (một) lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: (a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Cán bộ quản lý khác; hoặc (b) Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành hoặc 03 (ba) thành viên của Hội đồng quản trị; <u>hoặc</u>	Sửa đổi phù hợp Điều 157.3 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>(b) Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành hoặc 03 (ba) thành viên của Hội đồng Quản trị; hoặc</p> <p>(c) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.</p>	<p>(c) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên<u>Thành viên độc lập</u> Hội đồng quản trị độc lập.</p>	
141.	<p>30.5 Thông báo triệu tập phải được gửi tới mỗi thành viên tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp. Tuy nhiên, nếu quá nửa số thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý không cần thời gian thông báo trước, cuộc họp vẫn có thể được tiến hành sớm hơn vào thời gian mà các thành viên trên đã nhất trí. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải có đính kèm các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bux điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty. Tổng Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị chương trình dự thảo cho mỗi cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị. Chương trình họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ do người yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị cung cấp.</p>	<p>30.5 Thông báo triệu tập phải được gửi tới mỗi thành viên tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 05 (năm)<u>03 (ba)</u> ngày <u>làm việc</u> trước ngày họp. Tuy nhiên, nếu quá nửa số thành viên Hội đồng quản trị đồng ý không cần thời gian thông báo trước, cuộc họp vẫn có thể được tiến hành sớm hơn vào thời gian mà các thành viên trên đã nhất trí. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải có đính kèm các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bux điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. Tổng Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chương trình dự thảo cho mỗi cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị. Chương trình họp Hội đồng quản trị bất thường sẽ do người yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị cung cấp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 157.6 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

142.	30.13 Tiến trình và các quyết định của các Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép vào biên bản bằng tiếng Việt. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị, người ghi biên bản Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải ký tên vào biên bản. Biên bản gốc sẽ được lưu giữ trong Sổ Biên bản. Sổ Biên bản phải luôn sẵn sàng để các thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiểm tra.	30.13 Tiến trình và các quyết định của các Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép vào biên bản bằng tiếng Việt. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị, người ghi biên bản Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải ký tên vào biên bản. Biên bản gốc sẽ được lưu giữ trong Sổ Biên bản. Sổ Biên bản phải luôn sẵn sàng để các thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiểm tra.	Chuyển nội dung này đến Điều 33 Điều lệ
143.	Điều 31. Điều Kiện Hợp và Việc Biểu Quyết Tại Hội đồng Quản trị 31.1 Điều kiện họp Hội đồng Quản trị (b) Thành viên có thể tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây: i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; hoặc ii. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết như quy định tại Điều 30.10 của Điều lệ này; hoặc iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <u>bỏ phiếu điện tử</u> hoặc hình thức tương tự khác; hoặc iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	Điều 31. Điều kiện họp và việc biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị 31.1 Điều kiện họp Hội đồng Quản trị (b) Thành viên có thể tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây: i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; hoặc ii. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết như quy định tại Điều 30.10 của Điều lệ này; hoặc iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <u>bỏ phiếu điện tử</u> hoặc hình thức tương tự khác; hoặc iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; <u>hoặc</u> v. <u>Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong thông báo mời họp của Công ty.</u>	Bổ sung phù hợp Điều 157.9 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

144.	31.1 <p>(d) Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các thành viên, trong đó một số hoặc tất cả thành viên của Hội đồng Quản trị đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải nghe và/hoặc nhìn được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp thông qua phương tiện truyền thông;</p>	31.1 <p>(d) Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các thành viên, trong đó một số hoặc tất cả thành viên của Hội đồng Quản trị đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải nghe và/hoặc nhìn được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp thông qua phương tiện truyền thông;</p>	Chuyển nội dung này đến Điều 30.9 Điều lệ
145.	31.2 Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị <p>(a) Trong mỗi cuộc họp Hội đồng Quản trị, mỗi thành viên sẽ có một phiếu biểu quyết. Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều 28.3 và các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Tổng Giám đốc theo Điều lệ này hoặc các vấn đề khác mà Đại hội đồng Cổ đông có thể ủy quyền hoặc trao cho Hội đồng Quản trị theo từng thời điểm. Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp một vấn đề được lấy ý kiến thông qua có số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p>	31.2 Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị <p>(a) Trong mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị, mỗi thành viên sẽ có một phiếu biểu quyết. Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28.3 <u>Điều 28.2 Điều lệ này</u> và các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Tổng Giám đốc theo Điều lệ này hoặc các vấn đề khác mà Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền hoặc trao cho Hội đồng quản trị theo từng thời điểm. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp một vấn đề được lấy ý kiến thông qua có số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi dẫn chiếu

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

146.	<p>Điều 32. Nghị Quyết Bằng Văn Bản Thông Qua Không Cần Hợp Hội đồng Quản trị</p> <p>32.1 Theo yêu cầu của bất kỳ một Thành viên nào, Hội đồng Quản trị có thể thông qua một quyết định bất kỳ mà không cần tổ chức cuộc họp nếu như được sự chấp thuận bằng văn bản của số Thành viên Hội đồng Quản trị cần thiết để thông qua một quyết định tương tự trong trường hợp có triệu tập cuộc họp đúng thể thức và phù hợp với bản Điều lệ này. Văn bản chấp thuận sẽ có hiệu lực giống như sự phê chuẩn của Thành viên Hội đồng Quản trị hiện diện tại cuộc họp chính thức. Văn bản chấp thuận có thể lập thành một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị. Văn bản chấp thuận có thể là bản fax, email nhưng phải kèm theo sau đó là bản gốc và được Công ty lưu giữ. Các Nghị quyết bằng văn bản phải luôn sẵn sàng để các thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiểm tra.</p>	<p>Điều 32. Nghị quyết bằng văn bản thông qua không cần hợp Hội đồng quản trị</p> <p>32.1 Trừ trường hợp quy định tại Điều 47.2 Điều lệ này, theo yêu cầu của bất kỳ một thành viên nào, Hội đồng quản trị có thể thông qua một quyết định bất kỳ mà không cần tổ chức cuộc họp nếu như được sự chấp thuận bằng văn bản của số thành viên Hội đồng quản trị cần thiết để thông qua một quyết định tương tự trong trường hợp có triệu tập cuộc họp đúng thể thức và phù hợp với Điều lệ này. Văn bản chấp thuận sẽ có hiệu lực giống như sự phê chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị hiện diện tại cuộc họp chính thức. Văn bản chấp thuận có thể lập thành một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị. Văn bản chấp thuận có thể là bản fax, email nhưng phải kèm theo sau đó là bản gốc và được Công ty lưu giữ. Các nghị quyết bằng văn bản phải luôn sẵn sàng để các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiểm tra.</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 282.5 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
147.	<p>32.2 Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết của Hội đồng Quản trị bằng phương thức bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử. Những phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng Quản trị, những phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử phải được gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính thức của Công ty không muộn hơn 01 (một) giờ đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.</p>	<p>32.2 Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử. Những phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị, những phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử phải được gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính thức của Công ty không muộn hơn 01 (một) giờ đồng hồ trước thời gian dự kiến họp phù hợp thời hạn và điều kiện nhận phiếu biểu quyết trong văn bản yêu cầu.</p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

148.	<p>Điều 33. Biên bản họp Hội đồng Quản trị</p> <p>33.2 Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó. Thành viên HĐQT được quyền bảo lưu ý kiến của mình về các nội dung trong Biên bản họp HĐQT. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và Người ghi biên bản.</p>	<p>Điều 33. Biên bản họp Hội đồng Quản trị</p> <p>33.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển <u>Biên bản</u> họp Hội đồng quản trị <u>phải được chuyển</u> cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền bảo lưu ý kiến của mình về các nội dung trong Biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản <u>gốc sẽ được lưu giữ trong Sổ biên bản và phải luôn sẵn sàng để các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiểm tra.</u></p> <p>33.3 <u>Biên bản</u> họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, <u>phù hợp với quy định của Pháp luật</u> và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. <u>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung phù hợp theo quy định thì biên bản này vẫn có hiệu lực. chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 158.2 Luật Doanh nghiệp 2020
149.	<p>Điều 34. Các Ủy Ban và Tiểu Ban Của Hội đồng Quản trị</p> <p>Trong trường hợp cần thiết Hội đồng Quản trị có thể thành lập các Ủy ban, Tiểu ban để giúp việc cho Hội đồng Quản trị. Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các Ủy ban, Tiểu ban do Hội đồng Quản trị quy định cụ thể. Các nhân viên trong các Ủy ban, Tiểu ban có thể hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Lương hoặc phụ cấp cho các nhân viên thuộc các Ủy ban,</p>	<p>Điều 34. Các Ủy ban và Tiểu ban của Hội đồng quản trị</p> <p>Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban, Tiểu ban để giúp việc cho Hội đồng quản trị. Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các Ủy ban, Tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định cụ thể. Các nhân viên trong các Ủy ban, Tiểu ban có thể hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Lương hoặc phụ cấp cho các nhân viên thuộc các Ủy ban, Tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định và phải báo cáo Đại hội</p>	Sửa đổi giúp Hội đồng quản trị hoạt động linh hoạt hơn

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>Tiểu ban do Hội đồng Quản trị quy định và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Công ty có các Ủy ban sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Ủy ban An toàn Hàng không;- Ủy ban An ninh Hàng không;- Ủy ban Tổ chức và nhân sự;- Ủy ban điều hành tình trạng khẩn nguy;- Ủy ban Bảo hiểm;- Ủy ban Quản lý rủi ro. <p>Tùy vào tình hình hoạt động và yêu cầu của Công ty và/hoặc của Pháp luật theo từng thời kỳ, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định việc thành lập hoặc giải thể các Ủy ban, Tiểu ban tương ứng.</p>	<p>đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. <u>Công ty có các Ủy ban sau:</u></p> <p><u>Ủy ban An toàn Hàng không; Ủy ban An ninh Hàng không;</u></p> <ul style="list-style-type: none">— Ủy ban Tổ chức và nhân sự;— Ủy ban điều hành tình trạng khẩn cấp;— Ủy ban Bảo hiểm;— Ủy ban Quản lý rủi ro. <p><u>Tùy vào tình hình hoạt động và yêu cầu của Công ty và/hoặc của Pháp luật theo từng thời kỳ, Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc thành lập hoặc giải thể các Ủy ban, Tiểu ban tương ứng.</u></p>	
150.	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ <u>THƯ KÝ CÔNG TY NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</u>	Bỏ chức danh Thư ký công ty và bổ sung chức danh Người phụ trách quản trị Công ty.
151.	Điều 35. Tổ Chức Bộ Máy Quản Lý 35.3 Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện tuyển dụng khác của các Cán bộ Quản lý được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với từng người. Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng do Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Công ty ký.	Điều 35. Tổ Chức Bộ Máy Quản Lý 35.3 Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện tuyển dụng khác của các Cán bộ <u>quản lý theo chính sách của Công ty, theo quyết định của Hội đồng quản trị và được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với từng vị trí.</u> Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thay	Chuyển một phần nội dung Điều này đến Điều 28.2.(q) Điều lệ

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	Tổng Giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng lao động với các Cán bộ Quản lý khác sau khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận.	mặt Công ty ký. Tổng Giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng lao động với các Cán bộ Quản lý khác sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.	
152.	Điều 36. Cán Bộ Quản Lý Của Công Ty 36.1 Phúc lợi của các Cán bộ Quản lý: Phúc lợi của các Cán bộ Quản lý hoặc bổ nhiệm trên cơ sở quản trị do Hội đồng Quản trị bầu trong số Thành viên Hội đồng Quản trị được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với từng người. Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Công ty ký. Tổng Giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng lao động với các Cán bộ Quản lý khác sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt.	Điều 36. Cán Bộ Quản Lý Của Công Ty 36.1—Phúc lợi của các Cán bộ Quản lý: Phúc lợi của các Cán bộ Quản lý hoặc bổ nhiệm trên cơ sở quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số Thành viên Hội đồng quản trị được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với từng người. Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Công ty ký. Tổng Giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng lao động với các Cán bộ Quản lý khác sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt.	Bỏ vì đã quy định tại Điều 35.3 Điều lệ
153.	Điều 37. Bổ Nhiệm, Miễn Nhiệm, Nhiệm Vụ và Quyền Hạn Của Tổng Giám đốc 37.2 Tổng Giám đốc có thể không phải là Cổ đông của Công ty nhưng phải là người có kiến thức, có năng lực, hiểu biết pháp luật và có sức khỏe. Tổng Giám đốc không phải là người bị luật pháp cấm giữ chức vụ này theo quy định của Pháp luật.	Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc <u>36.1</u> Tổng Giám đốc có thể không phải là Cổ đông của Công ty nhưng phải <u>là người có kiến thức, có năng lực, hiểu biết pháp luật và có sức khỏe. Tổng Giám đốc không đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:</u> <ul style="list-style-type: none">- <u>Không</u> phải là người bị <u>luật pháp</u> cấm giữ chức vụ này theo quy định của Pháp luật;- <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty; và</u>- <u>Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ.</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 162.5 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

154.	<p>37.5 Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:</p> <p>(a) Quyết định ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản thuộc thẩm quyền hoặc sau khi có sự phê chuẩn của Đại hội Đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 17 hoặc của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28.3 Điều lệ này;</p> <p>(b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng và các quyền lợi khác của các cán bộ quản lý khác từ cấp phó phòng ban trở lên hoặc bất kỳ người đại diện nào của Công ty sau khi nhận được ý kiến thống nhất của Hội đồng quản trị tại Điểm 28.3(v) Điều lệ này;</p> <p>(c) Tổ chức soạn thảo các kế hoạch kinh doanh và ngân sách với đầy đủ chi tiết để đệ trình lên Hội đồng quản trị, hoặc trong trường hợp cần thiết, lên Đại hội đồng cổ đông. Chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ phát triển của Công ty;</p>	<p>36.5 Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:</p> <p>(a) Quyết định ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản thuộc thẩm quyền hoặc sau khi có sự phê chuẩn của Đại hội Đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 17<u>Điều 17</u> hoặc của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này;</p> <p>(b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng và các quyền lợi khác của các cán bộ quản lý khác từ cấp phó phòng ban trở lên hoặc bất kỳ người đại diện nào của Công ty sau khi nhận được ý kiến thống nhất của Hội đồng quản trị tại Điểm 28.3(v) Điều lệ này;</p> <p><u>(b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các Cán bộ quản lý từ cấp Trưởng phòng hoặc cấp tương đương trở lên hoặc bất kỳ Cán bộ quản lý nào của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, sau khi nhận được phê chuẩn của Hội đồng quản trị quy định tại điểm (q) Điều 28.2 của Điều lệ này; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng và các quyền lợi khác đối với các chức danh này và người lao động khác của Công ty;</u></p> <p>(c) Tổ chức soạn thảo các kế hoạch kinh doanh và ngân sách với đầy đủ chi tiết để đệ trình lên Hội đồng quản trị, hoặc trong trường hợp cần thiết, lên Đại hội đồng cổ đông. Chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp</p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
------	--	--	---

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<u>theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ phát triển của Công ty;</u>	
155.	37.7 Tổng Giám đốc có thể từ chức bất kỳ lúc nào, với điều kiện phải thông báo với Công ty theo đúng quy định ghi rõ trong hợp đồng lao động và/hoặc theo Quyết định bổ nhiệm.	36.7 Tổng Giám đốc có thể từ chức bất kỳ lúc nào, với điều kiện phải thông báo với Công ty <u>Hội đồng quản trị</u> theo đúng quy định ghi rõ trong hợp đồng lao động và/hoặc theo quyết định bổ nhiệm.	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
156.	37.9 Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.	36.9 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
157.	Điều 38. (Các) Phó Tổng Giám đốc 38.1 Phó Tổng Giám đốc Công ty được các Cổ đông hoặc Tổng Giám đốc đề cử và phải được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người trợ giúp cho Tổng Giám đốc. Trường hợp vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc kinh doanh thua lỗ, Phó Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng Quản trị Công ty miễn nhiệm hoặc chấm dứt Hợp đồng lao động trước thời hạn.	Điều 37. (Các) Phó Tổng Giám đốc 37.1 Phó Tổng Giám đốc Công ty được các Cổ đông hoặc Tổng Giám đốc đề cử và phải được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người trợ giúp cho Tổng Giám đốc. Trường hợp vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc kinh doanh thua lỗ, Phó Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị Công ty <u>bãi nhiệm</u> , miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
158.	Điều 39. Kế toán trưởng Kế toán trưởng có trách nhiệm lãnh đạo đội ngũ nhân viên phụ trách về các lĩnh vực gồm Kế toán và Quản lý Tài chính. Kế toán trưởng phải giám sát các hoạt động Kế toán và Tài chính và quy định những chính sách liên quan đối với tất cả các vấn đề về quản lý tài chính, kế toán của Công ty, bảo đảm cho công tác Tài chính – Kế toán của Công ty được trôi chảy, lành	Điều 38. Kế toán trưởng <u>Kế toán trưởng tổ chức và đảm bảo bộ máy kế toán của Công ty hoạt động thông suốt, bảo đảm công tác kế toán của Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật và theo sự phân công, chỉ đạo của Tổng Giám đốc.</u> Kế toán trưởng có trách nhiệm lãnh đạo đội ngũ nhân viên phụ trách về các lĩnh vực gồm Kế toán và Quản lý Tài chính. Kế	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

manh, minh bạch, tuân thủ đúng các chuẩn mực kế toán được áp dụng. Kế toán trưởng có quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:

39.1 Giám sát các hệ thống và công việc kế toán cần thiết cho việc duy trì sổ sách và giấy tờ kế toán của Công ty, việc thực hiện các khoản dự phòng và các quỹ hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc Hội đồng Quản trị;

39.2 Quản lý và cho ý kiến về việc sử dụng và chi tiêu tiền mặt và ngân quỹ của Công ty;

39.3 Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các nguồn tiền mặt bằng ngoại tệ và tiền Đồng;

39.4 Giám sát việc chuẩn bị các dữ liệu ngân sách cần thiết để lập ngân sách hàng năm;

39.5 Giám sát hoạt động quản lý rủi ro tài chính;

39.6 Lập và nộp tất cả các báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật;

39.7 Bảo đảm việc lập và nộp các báo cáo hoạt động và báo cáo tài chính một cách đúng hạn và chính xác;

39.8 Đưa ra và giám sát quy trình kế toán cần thiết trong nội bộ Công ty, bao gồm cả các báo cáo tháng, quý và năm phải lập theo yêu cầu quản lý bao gồm các báo cáo tài chính truyền thông, các sổ sách ngân sách kèm theo phân tích các thay đổi, dự tính về luồng tiền mặt, báo cáo quản lý tiền mặt, các dự toán vãng lai được cập nhật của các kết quả hàng năm dự tính và

~~toán trưởng phải giám sát các hoạt động Kế toán và Tài chính và quy định những chính sách liên quan đối với tất cả các vấn đề về quản lý tài chính, kế toán của Công ty, bảo đảm cho công tác Tài chính— Kế toán của Công ty được trôi chảy, lành mạnh, minh bạch, tuân thủ đúng các chuẩn mực kế toán được áp dụng. Kế toán trưởng có quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:~~

~~39.1 Giám sát các hệ thống và công việc kế toán cần thiết cho việc duy trì sổ sách và giấy tờ kế toán của Công ty, việc thực hiện các khoản dự phòng và các quỹ hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc Hội đồng Quản trị;~~

~~39.2 Quản lý và cho ý kiến về việc sử dụng và chi tiêu tiền mặt và ngân quỹ của Công ty;~~

~~39.3 Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các nguồn tiền mặt bằng ngoại tệ và tiền Đồng;~~

~~39.4 Giám sát việc chuẩn bị các dữ liệu ngân sách cần thiết để lập ngân sách hàng năm;~~

~~39.5 Giám sát hoạt động quản lý rủi ro tài chính;~~

~~39.6 Lập và nộp tất cả các báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật;~~

~~39.7 Bảo đảm việc lập và nộp các báo cáo hoạt động và báo cáo tài chính một cách đúng hạn và chính xác;~~

~~39.8 Đưa ra và giám sát quy trình kế toán cần thiết trong nội bộ Công ty, bao gồm cả các báo cáo tháng, quý và năm phải lập theo yêu cầu quản lý bao gồm các báo cáo tài chính truyền~~

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>bất kỳ báo cáo nào khác với bản chất đặc biệt phải lập theo yêu cầu quản lý hoặc theo yêu cầu của Công ty; và</p> <p>39.9 Giám sát việc tuyển dụng, đào tạo và khuyến khích phát triển đội ngũ nhân viên phòng Tài chính - Kế toán thông qua các chương trình đào tạo và phát triển; Phát triển và đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý nguồn nhân lực; Đề xuất chế độ phúc lợi và lợi ích cho nhân viên.</p>	<p><u>thông, các sổ sách ngân sách kèm theo phân tích các thay đổi, dự tính về luồng tiền mặt, báo cáo quản lý tiền mặt, các dự toán vãng lai được cập nhật của các kết quả hàng năm dự tính và bất kỳ báo cáo nào khác với bản chất đặc biệt phải lập theo yêu cầu quản lý hoặc theo yêu cầu của Công ty; và</u></p> <p><u>39.9 Giám sát việc tuyển dụng, đào tạo và khuyến khích phát triển đội ngũ nhân viên phòng Tài chính - Kế toán thông qua các chương trình đào tạo và phát triển; Phát triển và đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý nguồn nhân lực; Đề xuất chế độ phúc lợi và lợi ích cho nhân viên.</u></p>	
159.	<p>Điều 40. Thư Ký Công Ty</p> <p>40.1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và điều kiện làm việc theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">(a) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;(b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;(c) Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;(d) Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Pháp luật;(e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ;	<p><u>Điều 40. Thư Ký Công Ty</u></p> <p><u>40.1 — Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và điều kiện làm việc theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><u>(a) — Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u><u>(b) — Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u><u>(c) — Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;</u><u>(d) — Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Pháp luật;</u><u>(e) — Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ;</u><u>(f) — Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u>	Bỏ chức danh Thư ký Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>(f) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>(g) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>(h) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện các nguyên tắc quản trị Công ty;</p> <p>(i) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ Cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;</p> <p>(j) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>(k) Các quyền và nghĩa vụ khác tùy vào quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.</p> <p>40.2. Thư ký Công ty giúp Tổng Giám đốc lập các lệnh điều hành trên cơ sở Nghị quyết của của Hội đồng quản trị và kết luận của Tổng Giám đốc tại các Biên bản cuộc họp và theo chỉ đạo khác khi có yêu cầu, đồng thời theo dõi việc tổ chức thực hiện trên.</p> <p>40.3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>(g) — Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>(h) — Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện các nguyên tắc quản trị Công ty;</p> <p>(i) — Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ Cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;</p> <p>(j) — Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>(k) — Các quyền và nghĩa vụ khác tùy vào quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.</p> <p>40.2 — Thư ký Công ty giúp Tổng Giám đốc lập các lệnh điều hành trên cơ sở Nghị quyết của của Hội đồng quản trị và kết luận của Tổng Giám đốc tại các Biên bản cuộc họp và theo chỉ đạo khác khi có yêu cầu, đồng thời theo dõi việc tổ chức thực hiện trên.</p> <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
160.		<p><u>Điều 39 Người phụ trách quản trị Công ty</u></p> <p><u>39.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. Nhiệm kỳ và điều kiện làm việc của Người phụ trách quản trị Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p>	Bổ sung chức danh Người phụ trách quản trị Công ty theo yêu cầu tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<u>39.2. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quy định.</u>	
161.	Điều 42. Trách Nhiệm Căn Trọng Của Thành Viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Các Cán Bộ Quản Lý	<u>Điều 41. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý, quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc</u>	
162.	<p>42.1 Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) số Cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp 2014;</p> <p>(b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>(c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của Pháp luật, Điều lệ này hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc</p>	<p>41.2. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) <u>tổng số Cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng</u> có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm <u>dân sự cá nhân, trách nhiệm liên đới</u> đối với thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Tổng Giám đốc <u>để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác</u> trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều <u>160/165</u> của Luật Doanh nghiệp <u>2014</u>; <u>hoặc</u></p> <p><u>(b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, đối với các quyền và nghĩa vụ được giao; hoặc</u></p> <p><u>(c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc</u></p> <p><u>(d) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</u></p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	(e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.	<p>(b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>(c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của Pháp luật, Điều lệ này hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc</p> <p>(e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p>	
163.		<u>41.4. Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 41.2 này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trong tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</u>	Bổ sung phù hợp Điều 166.3 Luật Doanh nghiệp 2020
164.	<p>Điều 43. Tránh Các Xung Đột Quyền Lợi</p> <p>43.1 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi</p> <p>42.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác <u>và những Người liên quan của các đối tượng này</u> không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	Sửa đổi phù hợp với sự thay đổi các nội dung khác của Điều lệ

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

165.	<p>43.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, các Cán bộ Quản lý của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty, bao gồm:</p> <p>43.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, các Cán bộ Quản lý của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty, bao gồm:</p> <p>(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc Cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc Cổ phần đó;</p> <p>(b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng Cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% (mười phần trăm) Vốn Điều lệ.</p>	<p>42.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, các Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác của Công ty phải <u>công khai</u>, kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty, bao gồm:</p> <p>(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, <u>mã số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp</u>, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>(b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, <u>số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh mã số doanh nghiệp</u>, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ;</p> <p><u>(c) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; và</u></p> <p>(e)<u>(d) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp 2020
166.	<p>43.5 Thành viên Hội đồng Quản trị và các Cán bộ Quản lý nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực</p>	<p>42.5 Thành viên Hội đồng quản trị và các Cán bộ quản lý nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng</p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

	<p>hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p> <p>43.7 Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>43.8 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>quản trị chấp thuận. Trường hợp thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p> <p>42.7 Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác và những Người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>42.8 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác và những Người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
167.	<p>Điều 44. Hiệu Lực Của Một Số Hợp Đồng</p> <p>44.1 Giao dịch với Bên có liên quan</p> <p>Giao dịch với Bên có liên quan chỉ có hiệu lực nếu thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <p>(a) Đối với Giao dịch với Bên có liên quan có giá trị ít nhất bằng 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với</p>	<p>Điều 43 Hiệu lực của một số hợp đồng</p> <p>43.1 Giao dịch với <u>Bên Người</u> có liên quan</p> <p>Giao dịch với <u>Bên Người</u> có liên quan chỉ có hiệu lực nếu thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <p>(a) Đối với Giao dịch với Bên <u>Đối với giao dịch hoặc nhóm giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên với Người</u> có liên quan có giá trị ít</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>thời điểm tham gia Giao dịch với Bên có liên quan, cần có sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông với ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>(b) Đối với Giao dịch với Bên có liên quan có giá trị nhỏ hơn 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với thời điểm tiến hành Giao dịch với Bên có liên quan, cần có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị.</p> <p>(c) Tất cả các Giao dịch với Bên có liên quan phải dựa trên cơ sở giao dịch khách quan cùng có lợi, trừ trường hợp được tất cả các Cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.</p> <p>(d) Trong trường hợp cần thiết, Đại Hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có thể mời một tổ chức tư vấn độc lập đánh giá để đảm bảo Hợp đồng là công bằng và hợp lý trên mọi phương diện vào thời điểm giao dịch.</p>	<p>nhất bằng 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với thời điểm tham gia Giao dịch với Bên có liên quan, cần phải có sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông với ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp <u>hoặc lấy ý kiến bằng văn bản</u> chấp thuận;</p> <p><u>(b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó cần có sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>(b)(c) Đối với Giao dịch với Người có liên quan có giá trị nhỏ hơn 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với thời điểm tiến hành Giao dịch với Người có liên quan, cần có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị;</p> <p>(e)(d) Tất cả các Giao dịch với Người có liên quan phải dựa trên cơ sở <u>giao dịch khách quan đối bên</u> cùng có lợi, trừ trường hợp được tất cả các Cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;</p> <p>(d)(e) Trong trường hợp cần thiết, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có thể mời một tổ chức tư vấn độc lập đánh giá để đảm bảo <u>Hợp đồng Giao dịch với Người có liên quan</u> là công bằng và hợp lý trên mọi phương diện vào thời điểm giao dịch;</p>	
--	--	--	--

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<p>(f) <u>Công ty không được cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là cá nhân và Người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân;</u></p> <p>(g) <u>Công ty không được cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân; và</u></p> <p>(h) <u>Công ty không được cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người có liên quan của Cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>i. Công ty và tổ chức là Người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty;</u></p> <p><u>ii. Trường hợp pháp luật có quy định khác.</u></p>	
168.	<p>Điều 45. Nghĩa Vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Cán bộ Quản lý và Kiểm soát viên</p> <p>Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị, Cán bộ Quản lý và Kiểm soát viên phải:</p>	<p>Điều 44 Nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý và Kiểm soát viên</p> <p>Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý và Kiểm soát viên phải:</p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
169.	<p>Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>Bất kỳ Người nào không tuân thủ các quy định của <u>Điều 42, Điều 43, Điều 44 và Điều 45</u> Điều lệ này mà</p>	<p>Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>Bất kỳ Người nào không tuân thủ các quy định của <u>Điều 42, Điều 43, Điều 44</u> Điều 41, Điều 42, Điều 43 và <u>Điều 45</u> Điều 44 Điều lệ này mà gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi</p>	Sửa đổi dẫn chiếu

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường và/hoặc thực hiện các nghĩa vụ khác để khắc phục thiệt hại do hành vi không tuân thủ của mình gây ra cho Công ty trong mức độ tối đa được Pháp luật cho phép. Công ty sẽ có quyền lợi đối với bất kỳ lợi ích nào mà người đó nhận được từ Giao dịch với Bên có liên quan tương ứng</p>	<p>thường và/hoặc thực hiện các nghĩa vụ khác để khắc phục thiệt hại do hành vi không tuân thủ của mình gây ra cho Công ty trong mức độ tối đa được Pháp luật cho phép. Công ty sẽ có quyền lợi đối với bất kỳ lợi ích nào mà người đó nhận được từ Giao dịch với Người có liên quan tương ứng.</p>	
170.	X. BAN KIỂM SOÁT	X. BAN KIỂM SOÁT <u>ỦY BAN KIỂM TOÁN</u>	Thay đổi mô hình tổ chức sang mô hình không có Ban kiểm soát.
171.	Điều 48. Kiểm Soát Viên <p>48.1 Ban Kiểm soát sẽ có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>48.2 Ban Kiểm soát phải có ít nhất 1/2 (một nửa) số thành viên là chuyên trách. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p> <p>48.3 Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo nguyên tắc nêu tại Điều 27.1(b) và 27.1(c) Điều lệ. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử.</p>	Điều 48. Kiểm Soát Viên <p>48.1 Ban Kiểm soát sẽ có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>48.2 Ban Kiểm soát phải có ít nhất 1/2 (một nửa) số thành viên là chuyên trách. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p> <p>48.3 Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo nguyên tắc nêu tại Điều 27.1(b) và 27.1(c) Điều lệ. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử.</p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

<p>48.4 Kiểm soát viên sẽ có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại. Khi bầu các thành viên Kiểm soát viên, Công ty phải thực hiện theo cơ cấu có ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên cũ được bầu lại và có ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên được bầu mới.</p> <p>48.5 Kiểm soát viên không phải là Người có liên quan của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác của Công ty. Đồng thời, Kiểm soát viên không được là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty, Cán bộ quản lý khác, và không phải là thành viên hay nhân viên của Tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty hoặc bất kỳ Người nào mà Pháp luật không cho phép nắm giữ cương vị này. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;</p> <p>(b) Thành viên đó không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>(c) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>(d) Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đầy đủ năng lực hành vi dân sự;</p>	<p>48.4— Kiểm soát viên sẽ có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại. Khi bầu các thành viên Kiểm soát viên, Công ty phải thực hiện theo cơ cấu có ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên cũ được bầu lại và có ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên được bầu mới.</p> <p>48.5— Kiểm soát viên không phải là Người có liên quan của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác của Công ty. Đồng thời, Kiểm soát viên không được là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty, Cán bộ quản lý khác, và không phải là thành viên hay nhân viên của Tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty hoặc bất kỳ Người nào mà Pháp luật không cho phép nắm giữ cương vị này. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) — Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;</p> <p>(b) — Thành viên đó không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>(c) — Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>(d) — Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đầy đủ năng lực hành vi dân sự;</p>	
---	---	--

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

48.6 Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

48.7 Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là Kế toán viên hoặc Kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

(a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;

(b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin có liên quan để báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

(c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

48.8 Mức thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất, Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không vượt quá mức thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đề nghị định mức chi phí đi lại, ăn, ở... cho các Kiểm soát viên và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

~~Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.~~

~~48.6 Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.~~

~~48.7 Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là Kế toán viên hoặc Kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:~~

~~(a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;~~

~~(b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin có liên quan để báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;~~

~~(c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.~~

~~48.8 Mức thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất, Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không vượt quá mức thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đề nghị định mức chi phí đi lại, ăn, ở... cho các Kiểm soát viên và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.~~

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>48.9 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (quy chế cần nêu rõ quyền hạn, chức năng nhiệm vụ cụ thể, chế độ làm việc, hội họp, báo cáo v.v...); khi cần thiết Ban Kiểm soát có thể yêu cầu Hội đồng quản trị cho phép trưng dụng một số nhân viên của Công ty làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát trong một thời gian nhất định.</p>	<p>48.9—Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (quy chế cần nêu rõ quyền hạn, chức năng nhiệm vụ cụ thể, chế độ làm việc, hội họp, báo cáo v.v...); khi cần thiết Ban Kiểm soát có thể yêu cầu Hội đồng quản trị cho phép trưng dụng một số nhân viên của Công ty làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát trong một thời gian nhất định.</p>	
172.	<p>Điều 49 Nhiệm Vụ và Quyền Hạn Của Ban Kiểm Soát</p> <p>49.1 Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát tất cả các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát sẽ hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và các Cán bộ Quản lý và sẽ báo cáo với Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>49.2 Ban Kiểm soát sẽ có các quyền hạn và trách nhiệm được quy định theo Pháp luật và theo Điều lệ này hoặc, trong một số trường hợp, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông vào từng thời điểm. Ngoài những quy định trên, Ban Kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>(a) Kiểm tra (1) sự tuân thủ của Hội đồng quản trị theo Pháp luật, theo các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, (2) sự tuân thủ của các Cán bộ Quản lý theo Pháp luật và theo các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc của Hội đồng quản trị, và (3) hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và các Cán bộ Quản lý;</p>	<p>Điều 49—Nhiệm Vụ và Quyền Hạn Của Ban Kiểm Soát</p> <p>49.1 Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát tất cả các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát sẽ hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và các Cán bộ Quản lý và sẽ báo cáo với Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>49.2—Ban Kiểm soát sẽ có các quyền hạn và trách nhiệm được quy định theo Pháp luật và theo Điều lệ này hoặc, trong một số trường hợp, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông vào từng thời điểm. Ngoài những quy định trên, Ban Kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>(a) Kiểm tra (1) sự tuân thủ của Hội đồng quản trị theo Pháp luật, theo các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, (2) sự tuân thủ của các Cán bộ Quản lý theo Pháp luật và theo các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc của Hội đồng quản trị, và (3) hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và các Cán bộ Quản lý;</p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>(b) Đảm bảo quy trình bầu cử Hội đồng quản trị được minh bạch và đúng thủ tục;</p> <p>(c) Điều tra công tác quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông hoặc của nhóm các Cổ đông nắm giữ tổng cộng 10% (mười phần trăm) Cổ phần Phổ thông của Công ty;</p> <p>(d) Thẩm tra tính chính xác và hợp pháp của công tác kế toán, bao gồm việc soạn thảo các sổ sách kế toán và báo cáo tài chính;</p> <p>(e) Thẩm định các Báo cáo Tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;</p> <p>(f) Giám sát các khoản chi đầu tư, mua sắm hoặc rút vốn đầu tư quan trọng; xem xét các khoản chi phí và chi tiêu cho hoặc phát sinh liên quan đến Hội đồng quản trị, các Thành viên Hội đồng quản trị, và các Cán bộ Quản lý;</p> <p>(g) Giám sát những xung đột quyền lợi tiềm ẩn của các Thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ Quản Lý và các Cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên, kể cả việc sử dụng sai tài sản Công ty hoặc lạm dụng quyền hạn trong các Giao dịch với Bên có liên quan;</p> <p>(h) Giám sát tính hiệu quả của cơ chế kiểm soát nội bộ mà Công ty áp dụng và kiến nghị những thay đổi cần thiết;</p>	<p>(b) Đảm bảo quy trình bầu cử Hội đồng quản trị được minh bạch và đúng thủ tục;</p> <p>(c) Điều tra công tác quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông hoặc của nhóm các Cổ đông nắm giữ tổng cộng 10% (mười phần trăm) Cổ phần Phổ thông của Công ty;</p> <p>(d) Thẩm tra tính chính xác và hợp pháp của công tác kế toán, bao gồm việc soạn thảo các sổ sách kế toán và báo cáo tài chính;</p> <p>(e) Thẩm định các Báo cáo Tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;</p> <p>(f) Giám sát các khoản chi đầu tư, mua sắm hoặc rút vốn đầu tư quan trọng; xem xét các khoản chi phí và chi tiêu cho hoặc phát sinh liên quan đến Hội đồng quản trị, các Thành viên Hội đồng quản trị, và các Cán bộ Quản lý;</p> <p>(g) Giám sát những xung đột quyền lợi tiềm ẩn của các Thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ Quản Lý và các Cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên, kể cả việc sử dụng sai tài sản Công ty hoặc lạm dụng quyền hạn trong các Giao dịch với Bên có liên quan;</p> <p>(h) Giám sát tính hiệu quả của cơ chế kiểm soát nội bộ mà Công ty áp dụng và kiến nghị những thay đổi cần thiết;</p> <p>(i) Giám sát quy trình công bố và trao đổi thông tin;</p>	
--	--	---	--

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

<p>(i) Giám sát quy trình công bố và trao đổi thông tin;</p> <p>(j) Yêu cầu Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ Quản lý, hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến Hội đồng quản trị, các Cán bộ Quản lý và hoạt động của Công ty;</p> <p>(k) Thông báo cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty;</p> <p>(l) Đề xuất những điều chỉnh, thay đổi và cải tiến cần thiết trong hoạt động của Hội đồng quản trị, các Cán bộ Quản lý và trong hoạt động của Công ty;</p> <p>(m) Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập (nếu có), mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hợp tác hoặc sự rút lui của Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>(n) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>(o) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc thuê tư vấn pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p>	<p>(j) Yêu cầu Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ Quản lý, hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến Hội đồng quản trị, các Cán bộ Quản lý và hoạt động của Công ty;</p> <p>(k) Thông báo cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty;</p> <p>(l) Đề xuất những điều chỉnh, thay đổi và cải tiến cần thiết trong hoạt động của Hội đồng quản trị, các Cán bộ Quản lý và trong hoạt động của Công ty;</p> <p>(m) Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập (nếu có), mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hợp tác hoặc sự rút lui của Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>(n) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>(o) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc thuê tư vấn pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>(p) Xem xét báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p>	
---	---	--

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

<p>(p) Xem xét báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>(q) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;</p> <p>(r) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p> <p>49.3 Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>49.4 Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người. Các quyết định của Ban Kiểm soát được đưa ra trên cơ sở được sự chấp thuận của đa số (1/2) số Thành viên của Ban Kiểm soát. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt). Tuy nhiên thành viên nào không đồng ý với quyết định của các thành viên khác có quyền bảo lưu ý kiến của mình và trình ý kiến của mình lên Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.</p>	<p>(q) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;</p> <p>(r) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p> <p>49.3 Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>49.4 Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người. Các quyết định của Ban Kiểm soát được đưa ra trên cơ sở được sự chấp thuận của đa số (1/2) số Thành viên của Ban Kiểm soát. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt). Tuy nhiên thành viên nào không đồng ý với quyết định của các thành viên khác có quyền bảo lưu ý kiến của mình và trình ý kiến của mình lên Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị trong phiên họp gần nhất của các cơ quan này để các cơ quan này xem xét và quyết định.</p>	
--	--	--

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	đồng quản trị trong phiên họp gần nhất của các cơ quan này để các cơ quan này xem xét và quyết định.		
173.		<p><u>Điều 47. Thành phần Ủy ban kiểm toán</u></p> <p><u>47.1 Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Số lượng thành viên cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.</u></p> <p><u>47.2 Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>47.3 Điều kiện và tiêu chuẩn của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán:</u></p> <p><u>a. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh; và</u></p> <p><u>b. Đáp ứng các điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm (n) Điều 27.1 của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.</u></p> <p><u>47.4 Điều kiện và tiêu chuẩn của thành viên khác của Ủy ban kiểm toán:</u></p> <p><u>a. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u></p> <p><u>i. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; hoặc</u></p>	Bổ sung quy định về Ủy ban kiểm toán theo Điều 161 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<p><u>ii. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.</u></p> <p><u>b. Đáp ứng các điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm (d) Điều 27.1 của Điều lệ này và quy định của Pháp luật; và</u></p> <p><u>c. Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Cán bộ quản lý khác của Công ty.</u></p> <p><u>47.5 Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị quy định.</u></p>	
174.	XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	XI. QUYỀN ĐIỀU <u>KIỂM</u> TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
175.	Điều 50 Quyền Điều Tra Sổ Sách và Hồ Sơ 50.1 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) số Cổ phần Phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng đều có quyền trực tiếp hoặc thông qua Luật sư hoặc người được ủy quyền hợp pháp, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra, trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty, về danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị,	Điều 48. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ 48.1 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ <u>10% (mười 5% (năm phần trăm) số Cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> đều có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được ủy quyền hợp pháp, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra, trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty, về danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa năm, <u>hàng năm, họp đồng,</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 115.2.a Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>báo cáo tài chính giữa năm và các báo cáo của Ban Kiểm soát và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Cách thức kiểm tra, sao chụp sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.</p> <p>50.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>50.3 Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh vận chuyển Hàng không và các giấy tờ pháp lý khác, các quy chế hoạt động, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản kể cả sở hữu trí tuệ, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p>	<p><u>giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị</u> và các báo cáo tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ban Kiểm soát và Công ty; sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Cách thức kiểm tra, sao chụp sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>48.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>48.3 Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không và các giấy tờ pháp lý khác, các quy chế hoạt động, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản kể cả sở hữu trí tuệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo Báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>48.4 Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	
176.	Điều 51. Người Lao Động <p>51.1 Hàng năm, Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch về tuyển dụng lao động, cho thôi việc, đào tạo, nâng bậc,</p>	Điều 49. Người lao động <p>49.1 Hàng năm, Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch về tuyển dụng lao động, cho thôi việc, đào tạo, nâng bậc, muad<u>đóng</u> bảo</p>	Sửa đổi cho phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>mua bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động. Tổng Giám đốc phải thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động như: chế độ nghỉ phép, chế độ khen thưởng được phân phối từ quỹ phúc lợi (nếu có) đối với Người lao động để trình Hội đồng Quản trị thông qua và tổ chức thực hiện.</p> <p>51.2 Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy chế nhân viên, Quy chế tiền lương, đảm bảo công bằng, khuyến khích người lao động trong Công ty;</p> <p>51.3 Hội đồng Quản trị hàng năm phê duyệt tổng quỹ lương của Công ty. Căn cứ vào tổng quỹ lương, và trong khuôn khổ quy chế lương, Tổng Giám đốc thông qua quyết định phương án trả lương và có quyền thuê lao động theo nhu cầu của Công ty. Công ty cần có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo Người lao động.</p>	<p>hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động. Tổng Giám đốc phải <u>thực hiện đầy đủ xây dựng</u> các <u>cơ chế bảo đảm</u> quyền lợi của người lao động <u>như: về</u> chế độ <u>lương, thưởng, phúc lợi,</u> nghỉ phép, chế độ khen thưởng <u>được phân phối từ quỹ phúc lợi (nếu có)</u> đối với người lao động để trình Hội đồng quản trị thông qua và tổ chức thực hiện.</p> <p>49.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng <u>Quy chế nhân viên, Quy chế tiền</u> <u>chính sách</u> lương, <u>thưởng, phúc lợi,</u> đảm bảo công bằng, khuyến khích người lao động trong Công ty.</p> <p>49.3 Hội đồng quản trị hàng năm phê duyệt tổng quỹ lương của Công ty. Căn cứ vào tổng quỹ lương và trong khuôn khổ quy chế lương, Tổng Giám đốc thông qua quyết định phương án trả lương và có quyền thuê lao động theo nhu cầu của Công ty. <u>Công ty cần có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo Người lao động.</u></p>	
177.	<p>Điều 52. Cổ Tức</p> <p>51.1 Công bố việc chi trả cổ tức</p> <p>(a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể công bố chi trả cổ tức với điều kiện:</p> <p>i. Mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức Hội đồng quản trị đề nghị;</p> <p>ii. Mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức lợi nhuận của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính;</p>	<p>Điều <u>50</u>. Cổ Tức</p> <p>50.1 Công bố việc chi trả cổ tức</p> <p>(a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể công bố chi trả cổ tức với điều kiện:</p> <p>i. Mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức Hội đồng quản trị đề nghị;</p> <p>ii. Mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức lợi nhuận của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính;</p> <p>iii. Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các năm trước đó;</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.5 và 135.2 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>iii. Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các năm trước đó;</p> <p>iv. Sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; và</p> <p>v. Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ sau khi đã công bố và chi trả cổ tức.</p>	<p>iv. Sau khi đã trích lập các quỹ <u>và bù đắp lỗ</u> theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; và</p> <p>v. Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ <u>và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn</u> sau khi đã công bố và chi trả cổ tức.</p>	
178.	<p>52.1</p> <p>(d) Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt tại Văn phòng Công ty hoặc bằng séc hoặc bằng chuyển khoản đến các tài khoản trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam theo sự chỉ dẫn của Cổ đông hoặc bằng Cổ phần nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quy định của Pháp luật. Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc gửi séc hoặc chuyển tiền sẽ do Cổ đông chịu và sẽ được Công ty trừ lại từ cổ tức của Cổ đông. Cổ đông chi trả cũng chịu trách nhiệm chi trả thuế đánh trên cổ tức.</p>	<p>50.1 Công bố việc chi trả cổ tức</p> <p>(d) <u>Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt tại Văn phòng Công ty hoặc bằng séc hoặc bằng chuyển khoản đến các tài khoản trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam theo sự chỉ dẫn của Cổ đông hoặc bằng Cổ phần nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định của Pháp luật.</u> Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc <u>gửi séc hoặc chuyển tiền thanh toán Cổ tức cho Cổ đông</u> sẽ do Cổ đông chịu và sẽ được Công ty trừ lại từ cổ tức của Cổ đông. Cổ đông được chi trả cổ tức cũng chịu trách nhiệm chi trả thuế đánh trên cổ tức.</p>	Sửa đổi phù hợp hoạt động của Công ty
179.	<p>52.2</p> <p>(e) Đối với từng Cổ đông riêng lẻ, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản</p>	<p>50.1 Công bố việc chi trả cổ tức</p> <p>(e) Đối với từng Cổ đông riêng lẻ, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh</p>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: ~~[chữ màu, gạch ngang](#)~~.

theo sự chỉ định của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác cho thấy việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của Cổ đông ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc, hoặc (iv) các tài liệu hoặc chứng từ khác của Công ty chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng Cổ phần.

(f) Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của bất kỳ một trong số các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của một trong các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác như việc chuyển [séc](#) đến địa chỉ cập nhật mới nhất của bất kỳ một người nào trong số đồng Cổ đông này ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của một trong số họ, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc.

toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác cho thấy việc chuyển [séc](#) đến địa chỉ cập nhật mới nhất của Cổ đông ghi trong Sổ đăng ký cổ đông tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ [séc](#) có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng [séc](#), hoặc (iv) các tài liệu hoặc chứng từ khác của Công ty chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng Cổ phần.

(f) Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của bất kỳ một trong số các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của một trong các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác như việc chuyển [séc](#) đến địa chỉ cập nhật mới nhất của bất kỳ một người nào trong số đồng Cổ đông này ghi trong Sổ đăng ký cổ đông tại thời điểm thanh toán, (iv) hoặc một bản sao tờ [séc](#) có chữ ký của một trong số họ, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng [séc](#).

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

180.	Điều 53 Tài khoản ngân hàng Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền Đồng (VND) hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vãng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc tài khoản khác, tại chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, tại một ngân hàng nước ngoài hoặc tại một ngân hàng liên doanh giữa một ngân hàng nước ngoài và ngân hàng Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng Việt Nam theo sự lựa chọn của Hội đồng Quản trị và (với sự cho phép của Ngân hàng Nhà Nước, nếu Pháp luật yêu cầu) tại một ngân hàng nước ngoài bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.	Điều 51. Tài khoản ngân hàng Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền Đồng Việt Nam (VND) hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vãng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc loại tài khoản khác tại một ngân hàng trong và/hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam. Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền Đồng (VND) hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vãng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc tài khoản khác, tại chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, tại một ngân hàng nước ngoài hoặc tại một ngân hàng liên doanh giữa một ngân hàng nước ngoài và ngân hàng Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng Việt Nam theo sự lựa chọn của Hội đồng Quản trị và (với sự cho phép của Ngân hàng Nhà Nước, nếu Pháp luật yêu cầu) tại một ngân hàng nước ngoài bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
181.	Điều 54. Trích lập các quỹ 54.1 Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình vào các quỹ sau với mức cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định theo từng năm: (a) Quỹ dự trữ tài chính; (b) Quỹ đầu tư phát triển; (c) Quỹ phúc lợi và khen thưởng; (d) Trích quỹ trợ cấp mất việc làm; (e) Quỹ khoa học công nghệ; và	Điều 52. Trích lập các quỹ 54.1 — Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình vào các quỹ sau với mức cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định theo từng năm: (g) Quỹ dự trữ tài chính; (h) Quỹ đầu tư phát triển; (i) Quỹ phúc lợi và khen thưởng; (j) Trích quỹ trợ cấp mất việc làm; (k) Quỹ khoa học công nghệ; và	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	(f) Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo quy định của Pháp luật.	Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo quy định của Pháp luật. <u>52.1 Hội đồng quản trị quyết định việc trích lập các loại quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và thực tiễn hoạt động của Công ty theo từng thời kỳ.</u>	
182.	Điều 59. Kiểm Toán Công Ty 59.1 Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định thuê một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Đại hội đồng Cổ đông cũng có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập.	Điều <u>57</u>. Kiểm toán Công ty 57.1 Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định thuê một tổ chức kiểm toán <u>độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</u> chấp thuận để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Đại hội đồng Cổ đông cũng có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập .	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.22 Luật Chứng khoán 2019
183.	Điều 66. Định Nghĩa Thông Tin Mật Theo mục đích của Điều này, Thông tin Mật nghĩa là tất cả và bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, tập tin điện tử, các hồ sơ văn bản, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào không được công bố rộng rãi ra công chúng mà Công ty, Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và/hoặc các Kiểm soát viên, các Cán bộ Quản lý, nhân viên Công ty, các đại lý, hoặc các nhà thầu, có được, nhận được, phát triển, hoặc bằng cách nào đó, sở hữu trong tiến trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty và những thông tin, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu và những tài liệu khác dưới bất	Điều 64. Định nghĩa Thông tin mật Theo mục đích của Điều này, Thông tin mật nghĩa là tất cả và bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, tập tin điện tử, các hồ sơ văn bản, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào không được công bố rộng rãi ra công chúng mà Công ty, Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và/hoặc các <u>Kiểm soát viên</u> , các Cán bộ quản lý, nhân viên Công ty, các đại lý, hoặc các nhà thầu, có được, nhận được, phát triển, hoặc bằng cách nào đó, sở hữu trong tiến trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty và những thông tin, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu và những	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

<p>kỳ hình thức nào nhận được từ Người thứ ba mà Công ty có nghĩa vụ bảo mật, bao gồm:</p> <p>66.1 Điều lệ này, Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Sổ Đăng ký Cổ đông và Sổ Biên bản và bất kỳ một văn bản chấp thuận nào của Nhà Nước cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ (nếu có), hoặc giấy chứng nhận đăng ký chất lượng hàng hoá (nếu có);</p> <p>66.2 Các tài liệu và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu các tài sản của Công ty;</p> <p>66.3 Các bí mật thương mại hoặc thông tin mật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, phương pháp và các thông tin khác liên quan đến các giao dịch quan trọng của Công ty căn cứ theo sự xác định của Hội đồng quản trị vào từng thời điểm;</p> <p>66.4 Báo cáo của Ban Kiểm soát, các cơ quan thanh tra (nếu có), hoặc của các kiểm toán viên;</p> <p>66.5 Sổ sách kế toán, các Báo cáo Tài chính hàng năm và các tài liệu kế toán khác;</p> <p>66.6 Thông tin về Cổ đông, bất kỳ thỏa thuận nào của các Cổ đông hoặc quan hệ sở hữu Cổ phần qua lại hoặc các bảo đảm qua lại giữa các Cổ đông; bất kỳ giao dịch nào giữa Công ty và các Cổ đông;</p> <p>66.7 Thông tin về các thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ Quản lý, Kiểm soát viên bao gồm năng lực, kinh nghiệm và mức thù lao;</p>	<p>tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào nhận được từ người thứ ba mà Công ty có nghĩa vụ bảo mật, bao gồm:</p> <p>64.1 Điều lệ này, Giấy chứng nhận ĐăngSổ đăng ký Doanh nghiệp, Sổ Đăng ký Cổđông và Sổ Biên bản bản và bất kỳ một văn bản chấp thuận nào của Nhà Nướcnước cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ (nếu có), hoặc giấy chứng nhận đăng ký chất lượng hàng hoá (nếu có);</p> <p>64.2 Các tài liệu và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu các tài sản của Công ty;</p> <p>64.3 Các bí mật thương mại hoặc thông tin mật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, phương pháp và các thông tin khác liên quan đến các giao dịch quan trọng của Công ty căn cứ theo sự xác định của Hội đồng quản trị vào từng thời điểm;</p> <p>64.4 Báo cáo của Ban Kiểm soát, các cơ quan thanh tra (nếu có), hoặc của các kiểm toán viên;</p> <p>64.5 Sổ sách kế toán, các Báo cáo Tài chính hàng năm và các tài liệu kế toán khác;</p> <p>64.6 Thông tin về Cổ đông, bất kỳ thỏa thuận nào của các Cổ đông hoặc quan hệ sở hữu Cổ phần qua lại hoặc các bảo đảm qua lại giữa các Cổ đông; bất kỳ giao dịch nào giữa Công ty và các Cổ đông;</p> <p>64.7 Thông tin về các thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, Kiểm soát viên bao gồm năng lực, kinh nghiệm và mức thù lao;</p>	
---	--	--

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	<p>66.8 Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty; các kết quả, báo cáo thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; và</p> <p>66.9 Thông tin về những rủi ro đáng kể có thể được dự báo trước một cách hợp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty; rủi ro về giá nhiên liệu, rủi ro lãi suất hoặc rủi ro về ngoại hối đối với các khoản nợ hoặc khoản vay của Công ty; rủi ro liên quan đến các giao dịch phái sinh và giao dịch ngoại bảng.</p>	<p>64.8 Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty; các kết quả, báo cáo thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; và</p> <p>64.9 Thông tin về những rủi ro đáng kể có thể được dự báo trước một cách hợp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty; rủi ro về giá nhiên liệu, rủi ro lãi suất hoặc rủi ro về ngoại hối đối với các khoản nợ hoặc khoản vay của Công ty; rủi ro liên quan đến các giao dịch phái sinh và giao dịch ngoại bảng.</p>	
184.	<p>Điều 72 Tính tích lũy và không loại trừ của các quyền</p> <p>Trừ khi có quy định khác đi một cách rõ ràng, các quyền và biện pháp chế tài trong Điều lệ này sẽ mang tính tích lũy và không loại trừ bất kỳ các quyền và biện pháp chế tài nào do Pháp luật quy định.</p>	<p>Điều 72 — Tính tích lũy và không loại trừ của các quyền</p> <p>Trừ khi có quy định khác đi một cách rõ ràng, các quyền và biện pháp chế tài trong Điều lệ này sẽ mang tính tích lũy và không loại trừ bất kỳ các quyền và biện pháp chế tài nào do Pháp luật quy định.</p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
PHỤ LỤC 1. ĐỊNH NGHĨA			
185.	<p>Ban Kiểm soát nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty, có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật.</p>	<p>Ban Kiểm soát nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty, có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật.</p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
186.	<p>Ban Điều hành là cơ quan thực hiện chức năng điều hành của Công ty, hoạt động dưới sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc. Ban Điều hành bao gồm tất cả những Người điều hành của Công ty.</p>	<p>Ban điều hành là cơ quan thực hiện chức năng điều hành của Công ty, hoạt động dưới sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc. <u>Ban Điều hành bao gồm tất cả những Người điều hành của Công ty. Ban Điều Hành bao gồm các Phó Tổng Giám</u></p>	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<u>độc, Kế toán trưởng và những thành viên khác do Tổng Giám đốc quy định.</u>	
187.	Báo cáo Tài chính được định nghĩa như tại Khoản 57.2 Điều lệ.	Báo cáo Tài chính được định nghĩa như tại Khoản 57.2 Điều lệ.	Sửa đổi phù hợp với Điều lệ
188.	Cán bộ Quản lý có nghĩa là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Giám đốc, Trưởng phòng, Trưởng bộ phận và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng Quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty.	Cán bộ quản lý có nghĩa là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Giám đốc, Trưởng phòng <u>hoặc cấp tương đương Trưởng phòng, Trưởng bộ phận</u> và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng Quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty.	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
189.	Cổ đông lớn nghĩa là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	Cổ đông lớn nghĩa là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	Sửa đổi phù hợp Điều 4.18 Luật Chứng khoán 2019
190.		<u>Cổ phần có nghĩa là Cổ phần phổ thông hoặc Cổ phần ưu đãi do Công ty phát hành tuân theo quy định của Điều lệ này và quy định Pháp luật.</u>	Bổ sung phù hợp với Điều lệ
191.	Cổ phần phổ thông có nghĩa là Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này.	Cổ phần phổ thông có nghĩa là Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này <u>và quy định Pháp luật.</u>	Bổ sung phù hợp với Pháp luật
192.	Cổ phần Ưu đãi có nghĩa là Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết, Cổ phần Ưu đãi Cổ tức, Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại hay các Cổ phần Ưu đãi khác do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này.	Cổ phần Ưu đãi có nghĩa là Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết, Cổ phần Ưu đãi Cổ tức, Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại hay các Cổ phần Ưu đãi khác do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này <u>và quy định Pháp luật.</u>	Bổ sung phù hợp với Pháp luật
193.	Cổ phiếu có nghĩa là chứng chỉ do Công ty phát hành theo như quy định của Điều 9 của Điều lệ này để làm	Cổ phiếu có nghĩa là chứng chỉ do Công ty phát hành theo như quy định của Điều 9 của Điều lệ này để làm bằng chứng	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: [chữ màu, gạch chân](#).

- Nội dung bãi bỏ: [chữ màu, gạch ngang](#).

	bằng chứng quyền sở hữu tương ứng số lượng Cổ phần mà một Cổ đông cụ thể đang nắm giữ và Cổ phiếu có nghĩa là bất kỳ một trong số các Cổ phần đó.	quyền sở hữu tương ứng số lượng Cổ phần mà một Cổ đông cụ thể đang nắm giữ sở hữu và Cổ phiếu có nghĩa là bất kỳ một trong số các Cổ phần đó.	
194.	Cơ quan Đăng ký Kinh doanh có nghĩa là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội hoặc tùy vào thời điểm thích hợp, là một Cơ quan Nhà Nước khác có thể có trách nhiệm và thẩm quyền cấp giấy phép và giám sát việc thành lập, gia hạn và/hoặc hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật.	Cơ quan đăng ký kinh doanh có nghĩa là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội hoặc tùy vào thời điểm thích hợp, là một Cơ quan Nhà nước khác có thể có trách nhiệm và thẩm quyền cấp phép thành lập và giám sát việc thành lập, gia hạn và/hoặc hoạt động hoặc sửa đổi, bổ sung các giấy phép hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật.	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
195.	Đại hội đồng Cổ đông nghĩa là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền hạn quy định tại Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật.	Đại hội đồng Cổ đông nghĩa là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền hạn quy định tại Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo qui định của Pháp luật.	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
196.	Giao dịch với Bên có liên quan có nghĩa là giao dịch, hợp đồng giữa Công ty và các chủ thể theo quy định tại Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014.	Giao dịch với Bên Người có liên quan có nghĩa là giao dịch, hợp đồng giữa Công ty và các chủ thể theo quy định tại Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 .	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
197.	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp nghĩa là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Cơ quan Đăng ký Kinh doanh cấp khi Công ty được đăng ký thành lập và có thể được sửa đổi hoặc bổ sung trong quá trình hoạt động vào từng thời điểm.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nghĩa là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Cơ quan Đăng ký Kinh doanh cấp khi Công ty được đăng ký thành lập và có thể được sửa đổi hoặc bổ sung trong quá trình hoạt động vào từng thời điểm. có nghĩa là văn bản bằng bản giấy hoặc thông điệp dữ liệu chứa đựng thông tin về đăng ký doanh nghiệp của Công ty do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp, có thể được sửa đổi hoặc bổ sung vào từng thời điểm trong quá trình hoạt động.	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.15 Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

198.		<u>Giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> là một trong các loại giấy tờ sau đây: <u>thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.</u>	Bổ sung phù hợp với Điều 4.16 Luật Doanh nghiệp 2020
199.		<u>Giấy tờ pháp lý của tổ chức</u> là một trong các loại giấy tờ sau đây: <u>Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.</u>	Bổ sung phù hợp với Điều 4.17 Luật Doanh nghiệp 2020
200.	Kiểm soát viên nghĩa là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty, được quy định cụ thể tại Điều 46 của Điều lệ này.	Kiểm soát viên nghĩa là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty, được quy định cụ thể tại Điều 46 của Điều lệ này	Sửa đổi phù hợp với hoạt động của Công ty
201.	Luật Doanh nghiệp 2014 nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	Luật Doanh nghiệp 2014 nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm. <u>Luật Doanh nghiệp có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.</u>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
202.	Người có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, liên doanh, hiệp hội, tập đoàn, tổ chức, ngân hàng, tổ chức tài chính hoặc Cơ quan Nhà Nước hoặc pháp nhân khác có năng lực pháp lý theo như quy định của Pháp luật, bao gồm bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào, Cán bộ Quản lý, Kiểm soát viên, Cổ đông, hoặc bất kỳ các nhân viên nào của Công ty.	Người có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, liên doanh, hiệp hội, tập đoàn, tổ chức, ngân hàng, tổ chức tài chính hoặc Cơ quan Nhà Nước hoặc pháp nhân khác có năng lực pháp lý theo như quy định của Pháp luật, bao gồm bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào, Cán bộ Quản lý, Kiểm soát viên, Cổ đông, hoặc bất kỳ các nhân viên nào của Công ty. <u>Người có nghĩa là cá bất kỳ cá nhân, tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân được xác định là đối</u>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<u>tượng điều chỉnh của một hoặc nhiều văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, Điều lệ này và/hoặc các văn bản quản trị, điều hành của Công ty.</u>	
203.		<u>Người có quan hệ gia đình</u> bao gồm: <u>vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</u>	Bổ sung phù hợp với Điều 4.22 Luật Doanh nghiệp 2020
204.	Người Có Liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:	Người Có Liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản <u>2317</u> Điều 4 Luật Doanh nghiệp <u>2014</u> <u>2020</u> và Khoản <u>3446</u> Điều <u>4</u> <u>6</u> Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
1. Tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:			
205.	1. (a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;	1. a) Công ty mẹ, người quản lý <u>và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ</u> và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với của công ty mẹ; <u>hoặc</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.23a Luật Doanh nghiệp 2020
206.	1. (b) Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;	1. b) Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty , <u>người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con; hoặc</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.23b Luật Doanh nghiệp 2020
207.	1.	1.	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.23c Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

	(c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;	(c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp; <u>(c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê góp cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty; hoặc</u>	
208.	1. (d) Người quản lý doanh nghiệp;	1. d) Người quản lý doanh nghiệp, <u>người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên; hoặc</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.23d Luật Doanh nghiệp 2020
209.	1. (đ) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;	1. (đ) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; <u>(đ) Người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; hoặc</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.23đ Luật Doanh nghiệp 2020
210.	1. (e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;	1. (e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm (a), (b), (c), d và đ khoản này;	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.23e, Luật Doanh nghiệp 2020

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

211.	1. (g) Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;	1. (g) Doanh nghiệp trong đó <u>những người, tổ chức</u> quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (đ), và (e) và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.23g Luật Doanh nghiệp 2020
212.	1. (h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.	1. (h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
2. Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:			
213.	2 (a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;	2 (a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân; <u>a) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.46.d Luật Chứng khoán 2019
214.	2 (b) Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;	2 (b) Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết; <u>b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.46.b, Luật Chứng khoán 2019

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

215.	2 (c) Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;	2 (e) Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó; <u>(c) Doanh nghiệp và Người Nội Bộ của doanh nghiệp đó;</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 4.46.a Luật Chứng khoán 2019
216.	2 (d) Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;	2 d) <u>Tổ chức, cá nhân</u> mà trong mối quan hệ với <u>tổ chức, cá nhân</u> khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi <u>tổ chức, cá nhân</u> đó hoặc cùng với <u>tổ chức, cá nhân</u> đó chịu chung một sự kiểm soát;	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 4.46.c Luật Chứng khoán 2019
217.	2 (đ) Công ty mẹ, công ty con;	2 (đ) Công ty mẹ, công ty con;	Bỏ vì đã thuộc trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này
218.	2 (e) Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.	2 Quan hệ hợp đồng trong đó một người <u>tổ chức, cá nhân</u> là đại diện cho người <u>tổ chức, cá nhân</u> kia.	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
219.		<u>Người Nội Bộ là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm.</u>	Bổ sung theo quy định Điều 4.45 Luật Chứng khoán 2019

Chú thích:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung: chữ màu, gạch chân.

- Nội dung bãi bỏ: chữ màu, gạch ngang.

		<u>thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;</u>	
220.	Pháp luật nghĩa là Luật Doanh nghiệp 2014 và tất cả các Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, Quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một Cơ quan Nhà Nước nào ban hành (các văn bản pháp lý này có thể sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế vào từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty.	Pháp luật nghĩa là <u>Luật Doanh nghiệp 2014 và tất cả</u> các Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, Quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một Cơ quan Nhà Nước nào ban hành (các văn bản pháp lý này có thể sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế vào từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty.	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
221.	Sổ đăng ký cổ đông có nghĩa là sổ do Công ty lập và lưu giữ theo quy định của Khoản 8.9 của Điều lệ này.	Sổ đăng ký cổ đông có nghĩa là sổ do Công ty lập và lưu giữ theo quy định của Khoản 8.9 của Điều lệ này <u>ghi nhận thông tin về Cổ phần, Cổ đông và được lưu giữ theo quy định của Điều lệ này.</u>	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
222.	Tranh chấp nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, hoặc yêu sách phát sinh do, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này.	Tranh chấp nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, hoặc yêu sách phát sinh do, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này liên quan đến hoạt động của Công ty.	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
223.	Vốn điều lệ nghĩa là số vốn được ghi nhận tại Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty được quy định tại Khoản 8.1 của Điều lệ này.	Vốn điều lệ nghĩa là số vốn được ghi nhận tại Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty được quy định tại Khoản 8.1 của Điều lệ này.	Sửa đổi phù hợp với Điều lệ
224.	USD có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.	Đô la Mỹ hoặc USD có nghĩa là <u>đồng đơn vị tiền tệ chính thức hợp pháp</u> của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật
225.	VND có nghĩa là đồng tiền của Việt Nam.	Việt Nam Đồng hoặc VND có nghĩa là <u>đồng đơn vị tiền tệ chính thức</u> của Việt Nam.	Sửa đổi phù hợp với Pháp luật